



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 57

Ngày 01 tháng 10 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

07-9-2011	Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh.	3
14-9-2011	Chỉ thị số 30/2011/CT-UBND về việc triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	23

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

12-9-2011	Quyết định số 4320/QĐ-UBND về Phê duyệt Chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.	27
-----------	--	----

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2011/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về công tác thi đua,
khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tại Tờ trình số 579/TTr-BTĐKT ngày 15 tháng 8 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 169/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố và những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ), Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những nguyên tắc chung trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp, có trách nhiệm tổ chức, xây dựng, chỉ đạo phong trào thi đua, tổ chức thực hiện giao ước thi đua giữa các cụm thi đua, khối thi đua; tổ chức phát động thi đua, đăng ký giao ước thi đua ở cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, gắn với nhiệm vụ, công tác được giao. Theo năm kế hoạch và từng đợt thi đua, đợt vận động, lãnh đạo các ngành, các cấp phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua để xét chọn những tập thể và cá nhân trong đơn vị đã lập thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để biểu dương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng, chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Tập thể, cá nhân lập được thành tích, công lao trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, bảo vệ thành phố và đất nước đều được xét đề nghị khen thưởng. Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phải có trách nhiệm phát hiện, xem xét các tập thể, cá nhân có thành tích để kịp thời động viên, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng. Không bỏ sót tập thể, cá nhân có thành tích; không khen thưởng những tập thể, cá nhân không có thành tích hoặc chưa đủ thành tích, điều kiện để khen thưởng.

3. Công tác thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua và đăng ký thi đua.

4. Công tác khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc chính xác, dân chủ, công khai, công bằng và kịp thời.

5. Căn cứ thành tích đạt được, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành xem xét và đề nghị khen thưởng phù hợp (thành tích đến đâu khen thưởng đến đó). Mỗi hình thức khen thưởng có thể được xét tặng nhiều lần cho một đối tượng, không nhất thiết hình thức khen thưởng lần sau phải cao hơn hình thức khen thưởng lần trước. Khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính. Chú ý khen thưởng ở cấp cơ sở nhiều hơn cấp trên, người lao động trực tiếp nhiều hơn cán bộ quản lý.

Điều 2. Đối tượng thi đua và khen thưởng

Bao gồm tất cả các tổ chức, tập thể, cá nhân: các cơ quan Đảng, cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần, các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố; công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ thành phố, trong hợp tác phát triển, tăng cường hữu nghị đều được Ủy ban nhân dân thành phố xét khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng.

Điều 3. Điều kiện xét khen thưởng

Căn cứ vào thành tích của các tập thể, cá nhân gắn liền với kết quả thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong lao động, sản xuất, kinh doanh, trong nghiên cứu, trong công tác, chiến đấu, rèn luyện và học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao; những hành động dũng cảm, những gương vượt khó, những việc làm, hành động nhằm phát huy truyền thống đạo lý, nhân nghĩa của dân tộc, của nhân dân; đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị, nhân dân, Nhà nước và xã hội.

Điều 4. Nhiệm vụ của công tác thi đua, khen thưởng

1. Công tác thi đua, khen thưởng phải nhằm đáp ứng yêu cầu khẳng định, ghi nhận, đánh giá thành tích thi đua của các tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thành phố; khen thưởng phải đúng đối tượng, chính xác, kịp thời, có tác dụng động viên và nêu gương.

2. Công tác khen thưởng phải gắn liền với kết quả đạt được trong các phong trào thi đua, khắc phục tình trạng khen thưởng tràn lan mất cân đối giữa các lĩnh vực và các đơn vị. Để khắc phục tình trạng xin, cho trong khen thưởng, cần chú trọng thực hiện việc cấp trên chủ động xem xét, đánh giá và khen thưởng thành tích cho các cá nhân, đơn vị trực thuộc. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phát hiện những trường hợp có thành tích xứng đáng phải có trách nhiệm báo cáo thành tích và kết quả cho cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Chương II

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Danh hiệu thi đua và các hình thức tổ chức đánh giá kết quả phong trào thi đua

1. Danh hiệu thi đua gồm có: Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, danh hiệu thi đua đối với tập thể và danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình:

a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến (Chiến sĩ tiên tiến), Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp thành phố (Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến (Đơn vị tiên tiến), Tập thể Lao động xuất sắc, (Đơn vị quyết thắng - đối với Lực lượng vũ trang nhân dân), Cờ thi đua của thành phố (Cờ thi đua của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Cờ thi đua của Chính phủ.

Tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa, ấp văn hóa;

c) Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

2. Hình thức thi đua gồm có: thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (thi đua theo chuyên đề):

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt nhất công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Thi đua thường xuyên áp dụng giữa các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị, hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Thi đua thường xuyên được tổ chức theo khối, cụm thi đua để ký kết giao ước thi đua. Đầu năm đơn vị thực hiện việc đăng ký giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập thể. Kết thúc năm công tác (hoặc năm học đối với ngành giáo dục và đào tạo), đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua; những cá nhân, tập thể có đăng ký thi đua thì mới được bình xét danh hiệu thi đua.

b) Thi đua theo đợt (hoặc thi đua theo chuyên đề) được phát động khi xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian, nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tập trung hoàn thành nhiệm vụ có tính chất chuyên môn để thực hiện những công việc khó khăn, những việc còn yếu kém.

Khi tiến hành sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua (giấy khen, bằng khen). Trường hợp sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên, đơn vị chủ trì phát động thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua: căn cứ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

4. Tổ chức, đánh giá, chấm điểm kết quả giao ước thi đua của các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố đối với các phòng, ban, đoàn thể ở quận, huyện:

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố có hệ thống tổ chức chuyên môn, lĩnh vực hoạt động ở các quận, huyện phải chia cụm thi đua cho các phòng, ban, đoàn thể thuộc quận, huyện và có thông báo chính thức gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các quận huyện. Việc chia cụm thi đua cần thực hiện theo đúng cụm thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố đã chia đối với các quận, huyện.

Xây dựng và phổ biến công khai các nội dung, tiêu chí, thang điểm đối với các

cơ quan, phòng, ban, đoàn thể quận, huyện và tổ chức đăng ký giao ước thi đua từ đầu năm.

Trong quá trình thực hiện giao ước thi đua, các đơn vị trong từng cụm, khối thi đua cần tổ chức sinh hoạt, trao đổi học tập kinh nghiệm giữa các đơn vị trong cụm.

Cuối năm, các cụm thi đua tổ chức họp, đánh giá, phân loại, chấm điểm kết quả giao ước thi đua đã thực hiện trong năm. Đồng thời các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố tổ chức chấm điểm đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các quận, huyện trên từng mặt công tác các đơn vị thuộc thành phố quản lý theo lĩnh vực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động - thang điểm chấm tổng nhất là 100 điểm.

Khi có kết quả đánh giá, phân loại, chấm điểm thi đua của các cơ quan, đơn vị, đoàn thể ở quận, huyện; các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố cần thông báo công khai đến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các quận, huyện, có phân tích các điểm mạnh, yếu, hạn chế, tồn tại để Ủy ban nhân dân các quận, huyện được biết và có sự tập trung đầu tư chỉ đạo, phát huy những mặt mạnh, chấn chỉnh các mặt còn hạn chế, yếu kém của các cơ quan, đơn vị, đoàn thể ở quận, huyện (thời gian thông báo cho quận huyện kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc thành phố chậm nhất là ngày 30 tháng 12 hàng năm).

Sau khi các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố thông báo kết quả chấm điểm, quận huyện có quyền phản ánh thắc mắc, khiếu nại. Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc thành phố có trách nhiệm giải đáp và trả lời công khai đến các quận, huyện trong vòng 15 ngày (kết thúc vào ngày 15 tháng 01 của năm sau).

b) Căn cứ kết quả chấm điểm, bình chọn, suy tôn các đơn vị dẫn đầu các cụm thi đua của sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố chấm cho quận, huyện; sau khi thống nhất với quận, huyện, các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố sẽ cộng điểm thưởng cho đơn vị dẫn đầu các cụm thi đua; điểm thưởng cho mỗi đơn vị dẫn đầu là 5 điểm (thời gian gửi bảng điểm về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) chậm nhất là ngày 15 tháng 01 của năm sau).

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố căn cứ vào số điểm của các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố chấm cho quận, huyện để làm cơ sở đánh giá, chấm điểm thi đua cho các quận, huyện.

c) Quận, huyện có trách nhiệm nhận xét, đánh giá vai trò quản lý, điều hành hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ngành, đoàn thể thành phố đối với quận, huyện theo thang điểm tổng nhất là 100 điểm.

Điều 6. Tiêu chuẩn và thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua**1. Tiêu chuẩn, điều kiện công nhận các danh hiệu thi đua:**

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

a) Việc bình chọn, suy tôn danh hiệu chiến sĩ thi đua phải đảm bảo tính tiêu biểu trong phong trào thi đua; Ủy ban nhân dân thành phố quy định tỷ lệ xét công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cụ thể như sau:

Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét không quá 30% số lao động đạt danh hiệu lao động tiên tiến của các đơn vị thuộc thành phố;

Chiến sĩ thi đua cấp thành phố được xét và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xét công nhận không quá 30% trong số Chiến sĩ thi đua cơ sở 3 năm liên tục.

b) Cờ thi đua của thành phố:

Đối với các cụm, khối thi đua thuộc thành phố: Việc chia các cụm, khối thi đua các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố thực hiện;

Việc tặng Cờ thi đua cho các đơn vị thuộc cụm, khối thi đua của thành phố do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố xem xét quyết định tùy tình hình thực tiễn phong trào thi đua từng năm, số lượng cờ tặng cho mỗi cụm, khối thi đua có thể từ 1 đến 3 cờ, nhưng không nhất thiết các cụm, khối thi đua đều được tặng cờ.

Cờ thi đua của thành phố được xét tặng hàng năm cho các đơn vị tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, được bình chọn, suy tôn là đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua, thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các cụm, khối thi đua do đơn vị thuộc thành phố tổ chức.

Đối với các cụm, khối thi đua thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổng công ty thuộc thành phố, các quận, huyện do các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổng công ty và các quận, huyện tự phân chia và đăng ký từ đầu năm với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ). Về số lượng các đơn vị trong cụm, khối thi đua ít nhất là 05 đơn vị, nhiều nhất không quá 15 đơn vị.

Mỗi cụm, khối thi đua của các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổng công ty thuộc thành phố, quận, huyện, chỉ bình chọn một đơn vị dẫn đầu cụm, khối để đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ thi đua.

Hàng năm, các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc thành phố, các quận, huyện phải tổ chức đăng ký thi đua và gửi tổng hợp danh sách các cụm, khối thi đua và đăng ký danh hiệu thi đua (gồm Tập thể Lao động xuất sắc, Cờ thi đua của thành phố và Cờ thi đua của Chính phủ) về Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố. Thời gian gửi đăng ký thi đua về Ban hạn chót trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

Riêng đối với các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh có vốn nước ngoài không phải là thành viên của các Tổng công ty, đóng trên địa bàn quận, huyện nào, sẽ do quận, huyện đó tổ chức cho các doanh nghiệp đăng ký thi đua, chia cụm, khối thi đua theo ngành nghề, quy mô vốn, khu vực... để bình xét thi đua cuối năm. Trên cơ sở đó bình xét đề nghị thành phố tặng Cờ thi đua cho các đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua.

Đối với ngành giáo dục - đào tạo: việc xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các trường học, trung tâm... được thực hiện theo năm học. Các cơ quan quản lý Nhà nước (Sở Giáo dục và Đào tạo và các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện) thực hiện xét thi đua theo năm dương lịch.

Việc xét tặng Cờ thi đua cho ngành giáo dục - đào tạo được căn cứ trên cơ sở các đơn vị dẫn đầu cụm thi đua của từng cấp học ở các quận, huyện (mỗi cấp học 1 cờ). Đối với các trường trung học phổ thông và các trường do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, Sở có trách nhiệm chia cụm thi đua và xét chọn đơn vị dẫn đầu để đề nghị Cờ thi đua.

2. Thẩm quyền xét, quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

Về thẩm quyền xét, quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể Lao động tiên tiến:

Đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị (gồm các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện...) danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể lao động tiên tiến do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Giám đốc Sở, ban, ngành thành phố và tương đương theo thẩm quyền xét tặng. Đối với nhân viên ủy nhiệm thu thuế, bảo vệ dân phố, công an xã, xã đội, phường đội (biên chế thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quản lý) do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc quận, huyện; Trưởng Phòng Giáo dục - Đào tạo xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho cán bộ, công chức của phường, xã; các đơn vị sự nghiệp, các trường học thuộc quận, huyện quản lý.

Thủ trưởng các đơn vị thuộc thành phố ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (có tư cách pháp nhân) được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, tập thể Lao động tiên tiến.

Đối với các doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài... hoạt động độc lập, do Giám đốc doanh nghiệp xét, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi doanh nghiệp có trụ sở làm việc ủy quyền cho Giám đốc doanh nghiệp xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Đối với các doanh nghiệp là thành viên của tập đoàn kinh tế, Tổng công ty (hoặc tương đương) do Giám đốc doanh nghiệp thành viên xét, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến và danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Đối với các doanh nghiệp có trụ sở nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất: Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất ủy quyền cho Giám đốc các doanh nghiệp công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Cơ quan nào quản lý về tổ chức, quỹ lương, cơ quan đó sẽ xét công nhận các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền và trình cấp trên xét công nhận các danh hiệu thi đua cho các tập thể, cá nhân. Đối với các cơ quan quản lý tổ chức, quỹ lương theo hệ thống ngành dọc từ Trung ương đến cơ sở (như Viện Kiểm sát, Tòa án, Thuế, Kho bạc, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội, Thống kê, Liên đoàn Lao động...) sẽ do các cơ quan, đơn vị ngành dọc xét và công nhận các danh hiệu thi đua.

Chương III

CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC, DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC VÀ TIÊU CHUẨN XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 7. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, của Chính phủ, của Chủ tịch Nước, giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước và tiêu chuẩn xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

Riêng việc tôn vinh doanh nhân - doanh nghiệp: được thực hiện theo Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

Điều 8. Hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn xét khen thưởng của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố

Được xét khen thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân trong nước, ngoài nước hoặc xét khen thưởng khi kết thúc một cuộc vận động, một đợt thi đua, một phong trào thi đua, hoàn thành một hạng mục hoặc cả công trình; thành tích cụ thể, đột xuất, gương người tốt - việc tốt, học sinh giỏi, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội... có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi thành phố.

Tiêu chuẩn để xét tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố:

Những tập thể, cá nhân tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được bình chọn trong số các tập thể, cá nhân có hai năm liên tục được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Đơn vị Quyết thắng), Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Những tập thể, cá nhân có thành tích cụ thể, đột xuất, gương người tốt, việc tốt tiêu biểu có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi thành phố.

Đối với các đơn vị thuộc thành phố (không thuộc đối tượng công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và không được tặng Cờ thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố) thì căn cứ theo thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố.

Việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng theo đợt, khen thưởng theo chuyên đề như Hội chợ, triển lãm... chỉ thực hiện khi tiến hành tổng kết chuyên đề (5 năm, 10 năm, kết thúc nhiệm kỳ), hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương. Việc khen thưởng hàng năm cho các hoạt động chuyên đề, các phong trào thi đua theo đợt, chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động phong trào; trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc mới đề

ngộ Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch Nước tặng Huân chương các loại.

Đối với các đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân về những thành tích đóng góp cụ thể cho thành phố hoặc khen nhân dịp kỷ niệm truyền thống 10 năm, 20 năm thành lập ngành, đơn vị.

2. Huy hiệu thành phố Hồ Chí Minh

Huy hiệu thành phố Hồ Chí Minh là hình thức khen thưởng vinh dự của thành phố, khen thưởng cho người nước ngoài và các cá nhân ở trong và ngoài thành phố, mỗi cá nhân chỉ được tặng một lần. Huy hiệu thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; cá nhân được tặng Huy hiệu thành phố, không kèm theo tiền thưởng.

Tiêu chuẩn và điều kiện để xét khen thưởng Huy hiệu thành phố Hồ Chí Minh:

Đối với các cá nhân trong các cơ quan, đơn vị có tổ chức bình xét thi đua hàng năm, phải đạt được danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở liên tục 05 năm.

Đối với các cá nhân không nằm trong diện bình xét danh hiệu thi đua hàng năm, được căn cứ theo thành tích đóng góp cụ thể, nếu là người trong nước thì ngoài những đóng góp cụ thể phải được Ủy ban nhân dân thành phố tặng 02 Bằng khen.

Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân, phải có những đóng góp tích cực trong vai trò nhiệm vụ của Đại biểu, phải có thời gian tham gia ít nhất 01 nhiệm kỳ đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp thành phố và ít nhất 02 nhiệm kỳ đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã - thị trấn.

Đối với người nước ngoài phải có công lao đóng góp cho sự phát triển của thành phố trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội.

3. Cờ Truyền thống của Ủy ban nhân dân thành phố

Được xét khen thưởng cho những đơn vị có tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống 10 năm, 15 năm, 20 năm, 30 năm...

Đối tượng xét tặng Cờ Truyền thống là các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố và các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn thành phố.

Tiêu chuẩn để xét khen thưởng Cờ Truyền thống:

Là những đơn vị phải đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Đơn vị Quyết thắng) 05 lần trong khoảng thời gian 10 năm gần nhất và trong 5 năm gần thời điểm đề nghị tặng Cờ Truyền thống phải có ít nhất 01 Cờ thi đua của thành phố. Giữa 2 lần đề nghị Cờ truyền thống phải cách nhau 10 năm.

Các đơn vị không có danh hiệu thi đua thì phải có ít nhất 3 Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể trung ương

Cờ Truyền thống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định, được tặng một lá cờ có ghi tên đơn vị và không kèm theo tiền thưởng.

Chương IV

QUY TRÌNH XÉT, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 9. Quy trình xét và thủ tục đề nghị khen thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

1. Lấy ý kiến hiệp y

“Hiệp y khen thưởng” là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng;

Các trường hợp phải lấy ý kiến Hiệp y của Sở, ngành, đoàn thể cấp trên quản lý: Anh hùng lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Huân chương Lao động các hạng; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể và cá nhân là lãnh đạo (người đứng đầu đơn vị).

Riêng đối với các trường hợp đề nghị danh hiệu vinh dự Nhà nước (như Anh hùng, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú...) phải lấy ý kiến của địa phương nơi cư trú.

2. Việc thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp: *Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.*

3. Thẩm quyền đề nghị xét khen thưởng

Chính quyền cùng cấp không xét khen thưởng cho cơ quan Đảng cùng cấp, nhưng vẫn xét khen thưởng cho các Ban của Đảng cùng cấp.

a) Việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Cờ thi đua cho các đơn vị thuộc quận, huyện do Ủy ban nhân dân các quận, huyện đề nghị trên cơ sở là đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua của quận, huyện và là đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua của sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố và phải có Văn bản hiệp y thống nhất của các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố. Đối với một số phòng, ban chuyên môn của quận, huyện có nhiều Sở, ban, ngành thành phố quản lý phải có văn bản hiệp y thống nhất của các Sở, ban, ngành chuyên môn thành phố liên quan.

b) Việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng cờ cho các cơ quan, phòng, ban của quận, huyện thuộc ngành dọc quản lý (như Thuế, Bảo hiểm xã hội, Thống kê, Liên đoàn lao động...) do các sở, ngành, đoàn thể thành phố đề nghị.

c) Ủy ban nhân dân thành phố không xét Cờ thi đua cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp... không nằm trong các cụm, khối thi đua và không được các cụm, khối bình xét thi đua.

Đối với các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh có vốn nước ngoài không phải là thành viên của các Tổng công ty, đóng trên địa bàn quận, huyện nào, sẽ do quận, huyện đó đề nghị khen thưởng. Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố có trách nhiệm lấy ý kiến hiệp y của các sở, ngành liên quan.

Đối với những doanh nghiệp đóng tại các khu chế xuất, khu công nghiệp thì do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố đề nghị.

Đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân (là người đứng đầu) của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ ngành Trung ương trên địa bàn thành phố, nếu những đơn vị không có cấp trên quản lý trực tiếp đóng tại thành phố sẽ do Ban Thường vụ Đảng ủy Khối cơ sở của các Bộ phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) xem xét đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khen thưởng. Trường hợp khen thưởng về thành tích đóng góp các phong trào do thành phố tổ chức, vận động thực hiện sẽ do các ngành của thành phố bình xét, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị khen thưởng và thời gian giải quyết khen thưởng

1. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng

Trong một hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn khác nhau, mỗi tiêu chuẩn cần phải báo cáo thành tích khác nhau. Vì vậy, khi đề nghị khen thưởng

cần lưu ý báo cáo thành tích phải bám sát tiêu chuẩn đó. Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng. Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của các đơn vị thuộc thành phố.
- b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp đề nghị khen thưởng.
- c) Báo cáo thành tích, báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng. Đối với hồ sơ trình đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng có thể làm trích ngang thành tích của các tập thể, cá nhân (Báo cáo thành tích phải có nhận xét, đánh giá, xác nhận thành tích của Thủ trưởng cấp trên quản lý trực tiếp của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo thành tích đó).
- d) Văn bản hiệp y của cấp quản lý ngành và cấp quản lý địa phương theo quy định.
- đ) Đối với hồ sơ đề nghị xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp thành phố và Chiến sĩ thi đua toàn quốc, phải có báo cáo về nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực được Hội đồng xét công nhận sáng kiến cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận;
- e) Xác nhận của cơ quan tài chính theo quy định (đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị).

3. Thời gian nộp hồ sơ và giải quyết khen thưởng

- a) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố xét khen thưởng được gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) (02 bộ hồ sơ); sau khi nhận đủ hồ sơ, đúng thủ tục, trong 10 ngày làm việc Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định khen thưởng; trường hợp không được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận hoặc không đủ điều kiện khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có văn bản thông báo kết quả thẩm định hồ sơ cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố xét khen thưởng thành tích tổng kết năm được giải quyết chậm nhất trước ngày 30 tháng 4 năm sau, do đó các cơ quan, đơn vị gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 4 năm sau; riêng ngành giáo dục và đào tạo gửi hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 9 của năm.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước:

Thời điểm trình hồ sơ đề nghị các hình thức khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố: chậm nhất ngày 30 tháng 4 hàng năm (đối với ngành Giáo dục - Đào tạo trước ngày 30 tháng 8 hàng năm).

Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) 03 bộ hồ sơ;

Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do có sáng kiến, phát minh, sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và trong các lĩnh vực khác phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Hồ sơ đề nghị Cờ Thi đua của Chính phủ, gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 3 năm sau, riêng ngành giáo dục và đào tạo gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trước ngày 30 tháng 8 (gồm 03 bộ hồ sơ).

Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 3 năm sau, riêng ngành giáo dục và đào tạo gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trước ngày 30 tháng 8 (gồm 05 bộ hồ sơ).

Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) (gồm 30 bộ hồ sơ), gửi trước 3 bộ hồ sơ để Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố thẩm định, xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đột xuất như học sinh giỏi, vận động viên đạt giải trong các kỳ thi, các gương dũng cảm, quên mình cứu người, cứu tài sản, bắt cướp... Các cơ quan chuyên môn làm công tác thi đua - khen thưởng có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền khen thưởng kịp thời. Hồ sơ gồm: Tờ trình, Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (03 bộ).

d) Cơ quan làm công tác thi đua - khen thưởng các cấp có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành về qui trình, thủ tục, tính chính xác của hồ sơ, thẩm định tiêu chuẩn khen thưởng của các đối tượng trình khen thưởng.

4. Thông báo kết quả khen thưởng

a) Các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng và đã được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ phải thông báo cho đơn vị trình khen biết.

b) Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời gian 5 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đồng ý với cơ quan thẩm định), cơ quan thẩm định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị trình khen thưởng biết.

5. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Chương V

QUỸ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG

Điều 11. Nguồn kinh phí, mức thưởng và chế độ ưu đãi

Nguồn kinh phí, mức thưởng và chế độ ưu đãi của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính. Sở Tài chính phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác, động viên khen thưởng kịp thời và phù hợp với tình hình ngân sách chung của thành phố.

Không chi tiền thưởng đối với các tập thể, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức quốc tế; các tập thể, cá nhân được Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen về thành tích đóng góp, ủng hộ trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị thiên tai, địch họa, ủng hộ đóng góp công tác từ thiện xã hội...

Điều 12. Nguyên tắc phân cấp chi kinh phí khen thưởng

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp nào ra quyết định khen thưởng đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện chi tiền thưởng theo quy định từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

Điều 13. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỉ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch và quyết toán vào số chi thực tế theo quy định hiện hành.

2. Việc sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Ngoài các mức thưởng quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố sử dụng quỹ khen thưởng của mình để thưởng cho các đối tượng: học sinh giỏi, vận động viên đạt các giải cao trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế; giáo viên, huấn luyện viên đào tạo học sinh và vận động viên đạt giải; các đề tài, tác phẩm công trình đạt giải thưởng cấp thành phố; các gương “Người tốt, việc tốt” tiêu biểu; các gương có những hành động dũng cảm như: cứu người, bắt cướp, tấn công các loại tội phạm bảo vệ tài sản của Nhà nước và của nhân dân, các gương điển hình trong các phong trào quần chúng như phong trào những người con hiếu thảo, điển hình vượt khó... được Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen. Mức thưởng do các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) và Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Quận, huyện, Sở, ngành có thể vận dụng chi thưởng đột xuất tùy theo thành tích cụ thể, mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận, huyện, Sở, ngành quyết định trên cơ sở cân đối từ nguồn quỹ khen thưởng được trích của quận, huyện, Sở, ngành.

Chương VI
CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN, TỔ CHỨC CÔNG BỐ,
TRAO TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
VÀ NHÂN ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

Điều 14. Công tác thông tin tuyên truyền nhân điển hình tiến tiến phải được quán triệt sâu sắc và được tổ chức thực hiện thường xuyên nhằm góp phần thúc đẩy phong trào thi đua được phát triển sâu rộng.

Điều 15. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan thông tin, báo, đài tổ chức thông tin tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, những gương người tốt, việc tốt tiêu biểu, những điển hình tiêu biểu trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của quần chúng và các trường hợp được khen thưởng.

Điều 16. Tổ chức nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao phải đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, có tác dụng động viên, giáo dục nêu gương, tránh phô trương hình thức, lãng phí. Lễ công bố và trao tặng các hình thức khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm; trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và theo Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận các danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao. Không tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp cao riêng mà kết hợp tổ chức cùng với các lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của ngành, địa phương, đơn vị; Việc tổ chức tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho cá nhân, tổ chức được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố.

Điều 18. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn thành phố căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và vận dụng Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng và tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phong trào nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị mình.

Điều 19. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ Quy định này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành và địa phương mình./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2011/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2011

CHỈ THỊ

**Về việc triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi năm 2010
và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 17 tháng 6 năm 2010, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011; Ngày 21 tháng 3 năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 5 năm 2011.

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, tăng cường trách nhiệm của cơ quan đăng ký, quản lý việc nuôi con nuôi, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi; Ủy ban nhân dân thành phố giao các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Tư pháp:

a) Tổ chức tập huấn Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đến lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan; báo cáo viên pháp luật thành phố; lãnh đạo Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn nhằm quán triệt các nội dung cơ bản của Luật, Nghị định để triển khai áp dụng đồng bộ trên địa bàn thành phố.

Thời gian thực hiện: Trước tháng 10 năm 2011.

b) Chủ trì, phối hợp với Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố tổ chức phổ biến sâu rộng pháp luật nuôi con nuôi nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi.

Thời gian thực hiện: Trước tháng 12 năm 2011.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện, Công an thành phố, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Quy chế phải thể hiện rõ trách nhiệm, quy trình thực hiện công việc cụ thể tại mỗi cơ quan, đơn vị và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện pháp luật nuôi con nuôi.

Thời gian thực hiện: Trước tháng 12 năm 2011.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng đề án tin học hóa công tác đăng ký, quản lý việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Sở Tư pháp và việc đăng ký, quản lý nuôi con nuôi trong nước tại các xã, phường, thị trấn.

Thời gian thực hiện: Trước tháng 6 năm 2012.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đăng ký, quản lý việc nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố, kiểm tra tình hình tiếp nhận trẻ em vào nuôi dưỡng tại các Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố, kiểm tra hoạt động của các Văn phòng con nuôi nước ngoài đang hoạt động tại thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chịu trách nhiệm hướng dẫn các Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có chức năng giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài việc lập hồ sơ, phương pháp thẩm tra, xác minh hồ sơ... cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài; xem xét, xác nhận danh sách trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài của các Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em.

b) Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại các Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Công an thành phố:

a) Thực hiện thẩm tra, xác minh hồ sơ nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi và trả lời kết quả cho cơ quan gửi xác minh đúng thời hạn quy định.

b) Có biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

c) Chỉ đạo Công an quận - huyện, phường - xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra tình hình hoạt động, việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu; tình hình tạm trú, tạm vắng tại các Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em được thành lập hợp pháp để tránh tình trạng thu nhận trẻ em, hình thành cơ sở nuôi dưỡng trẻ em tự phát gây mất trật tự, an toàn xã hội.

4. Sở Y tế:

Hướng dẫn, kiểm tra các bệnh viện trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh, tử, trẻ em bị bỏ rơi theo đúng quy định của pháp luật để tránh tình trạng làm hồ sơ giả cho trẻ em làm con nuôi, mua bán trẻ em.

5. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ tư pháp trên địa bàn thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp, đảm bảo biên chế cần thiết cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố.

6. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản hướng dẫn sử dụng khoản tiền từ chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài do Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp chuyển vào ngân sách thành phố theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ.

7. Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, các Báo trực thuộc thành phố:

a) Phổ biến rộng rãi pháp luật nuôi con nuôi để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi.

b) Hỗ trợ Sở Tư pháp thành phố trong việc thông tin danh sách trẻ em cần tìm mái ấm gia đình thay thế.

8. Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra, theo dõi tình hình đăng ký nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

b) Tập huấn, hướng dẫn công chức tư pháp - hộ tịch phường - xã, thị trấn trong

việc ghi chép biên bản tiếp xúc, lấy ý kiến của những người có liên quan; xác nhận điều kiện kinh tế, chỗ ở, hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi; chú ý việc giải quyết đăng ký nuôi con nuôi thực tế theo Điều 50 Luật Nuôi con nuôi chặt chẽ, đúng quy định pháp luật.

c) Tổ chức rà soát đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch để đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng tiêu chuẩn về nghiệp vụ chuyên môn và phẩm chất đạo đức; bố trí, sử dụng cán bộ ổn định lâu dài. Đối với những phường - xã, thị trấn còn thiếu công chức tư pháp, hộ tịch chuyên trách, Ủy ban nhân dân quận - huyện khẩn trương chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn bố trí đủ cán bộ để đảm trách công việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hộ tịch theo thẩm quyền.

9. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn: chuẩn bị nhân sự, cơ sở vật chất, đảm bảo thực hiện tốt các quy định của pháp luật nuôi con nuôi.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Yêu cầu thủ trưởng các sở - ngành, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4320/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Về phê duyệt Chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020; Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020.

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 tầm nhìn 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1042/TTr-SNN-NN ngày 18 tháng 7 năm 2011 về việc phê duyệt Chương trình Phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực của Chương trình chủ trì đề tham mưu, tổng hợp và đề xuất Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ngành, quận, huyện có liên quan triển khai thực hiện và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện có chăn nuôi bò sữa khẩn trương tổ chức xác định vùng phát triển bò sữa ổn định và công bố rộng rãi cho người dân, các doanh nghiệp đầu tư sản xuất.

- Thủ trưởng các Sở, ngành và các doanh nghiệp chăn nuôi liên quan lập chương trình, kế hoạch, dự án cụ thể, phù hợp trình cấp thẩm quyền phê duyệt, triển khai có hiệu quả chương trình phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận (có sản xuất nông nghiệp), huyện, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn
thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4320/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BÒ SỮA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÀN BÒ SỮA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Thực hiện Quyết định số 119/2006/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010, ngành nông nghiệp đã chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các sở, ngành có liên quan tập trung chỉ đạo, đề xuất kịp thời các giải pháp, giúp cho người chăn nuôi bò sữa yên tâm sản xuất, tiếp tục phát triển ổn định.

1. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển đàn bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010:

1.1. Tình hình phát triển đàn bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010:

Đẩy mạnh chương trình bình tuyển giống, gieo tinh bò sữa cao sản và áp dụng tiến bộ kỹ thuật về chăm sóc, nuôi dưỡng, chuồng trại, sau 5 năm thực hiện Chương trình, số lượng và sản lượng sữa của đàn bò sữa thành phố không ngừng tăng lên:

- Tổng đàn bò sữa năm 2010 là 79.800 con (tăng bình quân 8,34%/năm), trong đó đàn cái vắt sữa là 41.057 con (tăng bình quân 4,53%/năm). Năng suất sữa đạt 5.787 kg/con/năm năm 2010 (tăng bình quân 6,13%/năm).

- Tổng sản lượng sữa hàng hóa giai đoạn 2006 - 2010 là 978.876 tấn, với tổng giá trị là 6.630 tỷ đồng, góp phần nâng tỷ lệ tự cung ứng nguyên liệu trong nước lên 24,7% (tăng 25,44% so với giai đoạn 2001 - 2005 là 19,69%), giảm gần 30.500 tấn sữa bột nhập khẩu, tương đương với giá trị là 2.030 tỷ đồng.

- Chăn nuôi bò sữa dịch chuyển về các huyện ngoại thành do tốc độ đô thị hóa, tập trung tại huyện Củ Chi. Từng bước thay đổi phương thức chăm sóc, nuôi dưỡng, cải tiến chuồng trại, cơ giới hóa trong chăn nuôi bò sữa và chuyển hướng chăn nuôi tập trung, đầu tư đồng bộ, với quy mô bình quân đàn bò sữa tăng dần lên 9,13 con/hộ năm 2010 (tăng bình quân 8,76%), trong đó số hộ chăn nuôi dưới 5 con/hộ chỉ còn chiếm 24,97% (giảm bình quân 8,86%/năm) và quy mô trên 100 con/hộ tăng lên 16 hộ năm 2010 (tăng bình quân 38,51%/năm).

Thành phố Hồ Chí Minh vẫn luôn dẫn đầu là trung tâm cung cấp con giống bò sữa cho các tỉnh, thành trong cả nước. Hàng năm, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp bình quân 5.000 - 5.500 con giống hàng hóa cho thị trường thành phố và các tỉnh.

Bên cạnh đó, thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện khuyến khích người dân tận dụng nguồn đất trồng và mạnh dạn chuyển diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ cho đàn bò. Diện tích trồng cỏ tăng bình quân 15,32%/năm, từ 2.173 ha năm 2006 nâng lên 3.720 ha năm 2010, năng suất bình quân 230 tấn/ha. Sản lượng cỏ cung cấp ước đạt 750.000 - 800.000 tấn/năm.

Hỗ trợ vay vốn theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố đã giải quyết 1.911 hộ chăn nuôi bò sữa, tổng đàn 6.570 con, với vốn đầu tư 226.917 triệu đồng, tổng số vốn vay hỗ trợ là 114.186 triệu đồng.

1.2. Công tác quản lý giống bò sữa:

Thường xuyên khuyến cáo người dân tái cấu trúc đàn bò sữa, mạnh dạn loại thải, chọn lọc thay đàn, giữ lại những con có năng suất cao. Tổ chức thực hiện bình tuyển, lập lý lịch để thiết lập hệ thống quản lý giống thống nhất từ nông hộ đến cơ quan quản lý giống; đồng thời thống nhất sử dụng chung mã số đánh dấu trên đàn bò sữa cho công tác quản lý giống và quản lý sức khỏe, dịch tễ... Đến cuối năm 2010, đã tổ chức giám định bình tuyển 67.021 con, riêng giai đoạn 2006 - 2010 đã bình tuyển được 32.544 con, trong đó 80% bò sữa đạt chuẩn đặc cấp theo tiêu chuẩn của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ cấu đàn bò cái sinh sản là 61,13% (tăng 9,19% so với năm 2006 là 51,94%), trong đó tỷ lệ bò sinh sản trên 4 lứa đẻ chỉ chiếm 6,62%, tỷ lệ cái vắt sữa là 46,34%; tuổi phối giống lần đầu là 486 ngày (giảm 40 ngày so với năm 2006); hệ số phối bình quân là 3,56 lần/con đậu thai (giảm 0,68 lần phối so với năm 2006); khoảng cách 2 lứa đẻ là 444 ngày (giảm 46 ngày so với năm 2006); tỷ lệ bò chậm sinh là 6,56%; trọng lượng bê sơ sinh 32 - 34kg; trọng lượng bê 12 tháng tuổi đạt 216 kg - 222 kg.

Ba đơn vị cung cấp tinh cho đàn bò sữa: Xí nghiệp truyền giống gia súc Trung ương, Công ty TNHH Minh Đăng, Công ty TNHH A&A cung cấp các nguồn tinh từ Trung tâm Moncada (Ba Vì, Hà Nội), New Zealand, Mỹ, Canada. Ngoài ra, các công ty thu mua sữa (Công ty Friesland Campina Việt Nam, Công ty Vinamilk...) cũng nhập một số dòng tinh đực giống có nguồn gốc tại Hà Lan về gieo cho đàn bò của những hộ dân giao sữa cho công ty. Trong giai đoạn 2006 - 2010, các đơn vị kinh doanh đã cung cấp 764.954 liều tinh bò sữa, trong đó có 28.648 liều tinh giống bò sữa cao sản nhiệt đới của Israel năng suất trên 13.000 lít sữa/chu kỳ.

Từ tháng 11 năm 2006, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố đã nhập và triển khai gieo tinh giống bò sữa nhiệt đới của Israel có năng suất lứa 1 của con mẹ từ 12.500 - 15.000 kg/chu kỳ (305 ngày) cho 15.801 con, trong đó có 6.970 con đậu thai (tỷ lệ 44,04%), có 6.357 con sinh ra, trong đó có 2.800 con cái (44,05%). Tỷ lệ bê chết sau khi sinh là 3,7%, trọng lượng bê sơ sinh bình quân 32,2 kg, trọng lượng 12 tháng tuổi là 220,68 kg (tương đương với định mức giống gốc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với bò sữa HF là 30 - 35 kg/bê sơ sinh và 200 - 220 kg/bò 12 tháng tuổi). Năng suất sữa bình quân lứa đầu tiên là 19,41 kg/ngày/con.

1.3. Công tác thú y phục vụ bò sữa:

Thực hiện Chương trình thú y phục vụ phát triển bò sữa - kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm từ 2006 - 2010, Chi Cục Thú y đã thực hiện các biện pháp tăng cường công tác quản lý dịch tễ đàn bò sữa và cấp phát sổ theo dõi sức khỏe cá thể bò sữa; tiêm phòng miễn phí bệnh Lở mồm long móng ngay từ đầu năm; lấy mẫu xét nghiệm giám sát dịch tễ và điều trị các bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng; kiểm tra chất lượng và vệ sinh sữa; tập huấn chuyển giao kỹ thuật phát hiện viêm vú tiềm ẩn cho các hộ chăn nuôi.

Kết quả cho thấy tỷ lệ tiêm phòng đạt cao (trên 80%), đảm bảo bảo hộ cho đàn

bò sữa thành phố; không có tình trạng lưu hành vi khuẩn lao và *Brucella* trên đàn bò sữa thành phố; tỷ lệ bệnh *Leptospirosis* dao động từ 22,85 - 32,02%; tỷ lệ nhiễm ký sinh trùng đường máu cũng có giảm, nhưng không đáng kể, dao động từ 14,17 - 19,06%; tỷ lệ viêm vú tiềm ẩn trên đàn bò sữa thành phố vẫn cao từ 78,3 - 91,24%, trong đó tỷ lệ 3⁺, 4⁺ từ 21,69 - 59,13%.

Trang bị các thiết bị hỗ trợ phục vụ công tác điều trị trên bò sữa. Phối hợp với Tổ chức CEVEO, Trường Đại học Nông Lâm và Đại học Lyon (Pháp) thực hiện chương trình hợp tác thú y, góp phần nâng cao tay nghề cho lực lượng thú y thực hiện công tác điều trị bò sữa tại các địa bàn, đồng thời tăng cường quản lý gắn kết hoạt động tổ bò sữa tại các địa bàn chăn nuôi trọng điểm đã kịp thời hỗ trợ cho người chăn nuôi.

Từ năm 2008, Chi Cục Thú y đã phối hợp với Công ty Vinamilk trong công tác xác nhận hợp đồng thu mua sữa do các điểm trung chuyển đến các trạm thú y quận, huyện; hỗ trợ kiểm soát việc chấp hành tiêm phòng trên đàn bò sữa, kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm sữa, đánh giá tình trạng viêm vú trên đàn bò sữa; chuyên gia kỹ thuật xét nghiệm CMT (California Mastitis Test) và sát trùng bầu vú trước và sau khi vắt sữa; cấp phát 8.000 tờ bướm, 1.500 khay thử hóa chất, hướng dẫn đọc kết quả CMT, cung cấp hơn 3.000 bình nhúng núm vú và hóa chất khử trùng.

Chủ động xây dựng và được Cục Thú y công nhận 10 cơ sở chăn nuôi bò sữa an toàn với bệnh Lở mồm long móng với tổng đàn 4.288 con (2.222 cái vắt sữa).

1.4. Công tác khuyến nông trong chăn nuôi bò sữa:

Phối hợp với Hội Nông dân, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức 282 buổi tập huấn, tọa đàm với các nội dung nâng cao kiến thức và kỹ năng về trồng cỏ cao sản, xây dựng đồng cỏ thâm canh; các biện pháp phòng trị bệnh trên bò sữa, bệnh viêm vú tiềm ẩn; kỹ thuật chế biến thức ăn; thiết kế chuồng trại, quản lý chất thải; ứng dụng cơ giới hóa, ghi chép và quản lý đàn, các biện pháp hạ giá thành trong chăn nuôi; 50 chuyên tham quan, học tập mô hình chăn nuôi bò sữa hiệu quả.

Biên soạn và phát hành tờ bướm, đĩa VCD tuyên truyền, cẩm nang hướng dẫn biện pháp vệ sinh vắt sữa, phòng bệnh viêm vú trên bò sữa; thực hiện 34 chương trình về kỹ thuật chọn giống bò sữa và an toàn chất lượng sữa, chăm sóc và phòng, chống dịch bệnh, kỹ thuật trồng cỏ VA - 06 và ủ chua thức ăn xanh nuôi bò; quay phim tư liệu quảng bá các hộ mô hình điểm chăn nuôi bò sữa. Xây dựng 70 mô hình trình diễn - thực nghiệm về chuồng trại thông thoáng, cơ giới hóa (máy vắt sữa, máy thái

cỏ...), hệ thống biogas, xây dựng khẩu phần thức ăn phù hợp theo vùng nguyên liệu và từng giai đoạn cho sữa, phương thức khẩu phần thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (Total Mixed ration - TMR), nuôi bê đực lai hướng sữa lấy thịt, trồng thử nghiệm giống cỏ voi VA-06. Tính đến cuối năm 2010, từ các mô hình thực nghiệm của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã nhân rộng trên 110 ha cỏ VA06 tại huyện Củ Chi (75 ha) và Hóc Môn (35 ha); 700 máy vắt sữa; 50 máy băm, thái cỏ; xây dựng 6.110 hầm biogas.

1.5. Phát triển kinh tế tập thể và xúc tiến thương mại trong chăn nuôi bò sữa:

Đã hình thành 7 hợp tác xã chăn nuôi bò sữa (hơn 120 thành viên) và 22 tổ hợp tác chăn nuôi bò sữa (hơn 400 thành viên) tại các quận 12, Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh. Trong đó, Hợp tác xã chăn nuôi bò sữa Tân Thông Hội đã từng bước hoàn chỉnh để cung cấp các dịch vụ chăn nuôi, thú y cho bà con xã viên; được tổ chức SOCODEVI hỗ trợ xây dựng cửa hàng dịch vụ thú y và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ xây dựng phòng thí nghiệm để phân tích chất lượng sữa, hướng tới ổn định chất lượng sữa cung ứng cho đơn vị thu mua và giảm số mẫu phân tích.

Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp đã thiết kế website cho Hợp tác xã bò sữa Tiến Thành, Tân Hưng, nhằm hỗ trợ cho hoạt động và quản lý; hỗ trợ thiết kế logo cho Hợp tác xã nông nghiệp Xuân Lộc. Đồng thời phối hợp với Hãng phim Cửu Long phát sóng chương trình truyền hình nông dân hội nhập để giới thiệu về chương trình phát triển bò sữa, công tác quản lý và sử dụng giống (tinh bò sữa), các mô hình sản xuất trang trại chăn nuôi bò sữa của thành phố.

Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 04 công ty hoạt động thu mua sữa: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Vinamilk, Công ty TNHH Friesland Campina, Công ty TNHH Tân Việt Xuân - Vixumilk, Công ty cổ phần sữa Quốc tế T&H với 97 điểm thu mua và trung chuyên thu mua sữa, đặt tại hầu hết các địa bàn chăn nuôi bò sữa trọng điểm của thành phố, đảm bảo thu mua tất cả sữa cho người chăn nuôi của thành phố. Trong đó, từ tháng 11 năm 2010, Công ty TNHH MTV Bò sữa thành phố đã liên kết với Công ty Cổ phần sữa Quốc tế tổ chức xây dựng nhà máy và thu mua sữa nguyên liệu trên địa bàn thành phố.

Từ năm 2008 đến nay, các công ty thu mua sữa tươi nguyên liệu liên tục thay đổi phương thức đánh giá chất lượng sữa và giá thu mua sữa, nhất là trong năm

2010, nhằm từng bước nâng cao chất lượng sữa tươi thu mua, đáp ứng nhu cầu bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm ngày càng cao của người tiêu dùng và nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi bò sữa. Trước yêu cầu này, đòi hỏi người nông dân chăn nuôi bò sữa phải từng bước thay đổi cách chăn nuôi: chăm sóc, nuôi dưỡng, khai thác và giao sữa phù hợp với yêu cầu của nhà thu mua. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các địa phương tập trung các biện pháp hỗ trợ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sữa và đảm bảo thu nhập cho người chăn nuôi.

1.6. Các dự án đã và đang thực hiện:

- Dự án “*Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi bò sữa quy mô cấp xã*” tại xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi: được thực hiện từ năm 2006, với tổng kinh phí 25.662 triệu đồng, trong đó ngân sách thành phố đầu tư 1.662 triệu đồng. Dự án đã xây dựng được các mô hình chăn nuôi bò sữa ứng dụng đồng bộ công nghệ cao để chăn nuôi bò sữa, bao gồm tái cơ cấu đàn bò, nâng cao chất lượng đàn giống, loại thải các cá thể có năng suất thấp, có vấn đề về các bệnh sinh sản; nâng cấp chuồng trại thông thoáng (quạt gió, hệ thống phun sương, quả cầu thông khí); ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất (máy vắt sữa, máy thái cỏ); trồng và sử dụng giống cỏ VA - 06 có năng suất cao, chất lượng dinh dưỡng phù hợp với nhu cầu bò sữa; xây dựng khẩu phần thức ăn hợp lý và thí điểm khẩu phần TMR tại một số hộ. Ngoài ra, dự án đã giúp người chăn nuôi chủ động kiểm tra vệ sinh sữa thông qua việc chuyển giao phương pháp phát hiện viêm vú tiềm ẩn bằng CMT, vệ sinh bầu vú sau khi vắt sữa bằng dung dịch iodine; định kỳ lấy mẫu kiểm tra các bệnh liên quan đến bò sữa (lao, *Brucellosis*, *Leptospirosis*, ký sinh trùng đường máu) và chất lượng sữa (đạm, béo, vật chất khô...). Các mô hình đã đem lại hiệu quả thiết thực cho người chăn nuôi bò sữa, như giảm tình trạng stress nhiệt trên đàn bò sữa, nhất là các tháng cao điểm mùa nắng; hạn chế các chi phí trung gian, cải thiện chất lượng đàn giống tại nông hộ, nâng cao chất lượng và vệ sinh sữa.

- Dự án “*Đầu tư trại bò sữa công nghệ cao Israel (DDEF)*”: được Chính phủ Việt Nam chấp thuận chủ trương thực hiện tại Công văn số 8013/VPCP-QHQT ngày 20 tháng 11 năm 2008 về việc phê duyệt dự án ODA hỗ trợ kỹ thuật không hoàn lại của Chính phủ Israel; Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2009 về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Ban quản lý điều hành dự án “Trại trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao tại thành phố Hồ Chí Minh”; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2010 về phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật trại

trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao (DDEF) và Quyết định số 4256/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2010 về phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án trại trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao (DDEF). Hiện nay đã tiến hành san lấp mặt bằng; dự kiến xây dựng chuồng trại và vận hành trong năm 2011.

- *Chương trình thử nghiệm gieo tinh giống bò sữa cao sản nhiệt đới của Israel, năng suất trên 13.000 lít sữa/chu kỳ*: Tháng 11/2006, ngành nông nghiệp thành phố đã nhập 30.000 liều, với tổng kinh phí là 5,64 tỷ đồng (vốn ngân sách: 3,18 tỷ đồng, hộ/trại chăn nuôi: 2,46 tỷ đồng). Kết quả: bê sinh ra có trọng lượng sơ sinh đạt bình quân từ 32,2 kg/con (tương đương trọng lượng bê sơ sinh của các dòng tinh từ Mỹ, Canada,...); lượng sữa bình quân đạt 19 kg/con/ngày, cá biệt có con đạt 25 kg/con/ngày.

- *Các công trình nghiên cứu khoa học*:

+ Thử nghiệm tạo phôi bò lai Sind giai đoạn *plastocyst* bằng công nghệ thụ tinh trong ống nghiệm từ nguồn giao tử nội và ngoại nhập - Đại học Khoa học tự nhiên phối hợp với Trung tâm Công nghệ sinh học.

+ Xây dựng đàn bò sữa hạt nhân bằng công nghệ cấy truyền phôi - Trung tâm Quản lý và Kiểm định Giống Cây trồng - Vật nuôi.

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và cấy truyền phôi, nhằm nhân nhanh giống bò sữa cao sản tại thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm chuyên giao tiền bộ khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Trung tâm Công nghệ sinh học ABC.

+ Đánh giá sự bài thải qua sữa của một số kháng sinh sử dụng trong điều trị bệnh bò sữa và đề xuất giải pháp khai thác sữa hợp lý có hiệu quả tại thành phố - Chi Cục Thú y phối hợp với các công ty thu mua sữa.

+ Nghiên cứu ảnh hưởng thành phần thức ăn thô đến năng suất và chất lượng sữa của bò sữa tại thành phố Hồ Chí Minh - Viện Khoa học nông nghiệp Miền Nam.

+ Nghiên cứu các giải pháp cải tiến tiêu khí hậu và dinh dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi bò sữa có tỷ lệ máu Holstein Friesian cao (trên $\frac{3}{4}$ máu HF) nuôi tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2005 - 2007 - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin cải thiện điều kiện vệ sinh thú y đàn bò sữa xã Xuân Thới Thượng, Hóc Môn - Chi Cục Thú y

+ Nghiên cứu quy trình phòng và trị một số bệnh trên đàn bò sữa để góp phần tăng nguồn sữa sạch cho nhà máy sữa tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Nông Lâm.

+ Khảo nghiệm một số giống cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2003 - 2006 - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Phân tích hiệu quả theo quy mô và đề xuất giải pháp nhân rộng quy mô đàn bò sữa tại nông hộ ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh 2006 - 2008 - Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển.

+ Nghiên cứu công nghệ chế biến và sử dụng bypass protein cho chăn nuôi bò sữa 2007 - 2009 - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam.

+ Nghiên cứu cân bằng năng lượng và protein trong khẩu phần giai đoạn trước và sau đẻ để nâng cao khả năng sinh sản ở bò sữa khu vực thành phố Hồ Chí Minh 2007 - 2009 - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam.

II. NHẬN XÉT - ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt làm được:

Chương trình mục tiêu phát triển bò sữa giai đoạn 2006 - 2010 đã góp phần rất lớn vào thành tích chung của ngành nông nghiệp thành phố, so với các ngành chăn nuôi khác, chăn nuôi bò sữa trong năm qua phát triển khá ổn định, thành phố vẫn là đơn vị cung cấp con giống bò sữa chính cho nhiều địa phương trong cả nước, kể cả khu vực phía Bắc. Đồng thời, sữa tươi sản xuất góp phần cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng, giảm bớt nhập khẩu nguyên liệu sữa và tiết kiệm ngoại tệ.

Các hộ chăn nuôi đã mạnh dạn loại thải các cá thể năng suất kém, tăng quy mô đàn trên từng hộ chăn nuôi, xây dựng cơ cấu đàn hợp lý, thực hiện các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng tiên tiến, từng bước áp dụng các giải pháp, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, từ đó đã dần nâng cao chất lượng đàn bò, kiểm soát ô nhiễm môi trường và định hướng phát triển theo hướng ổn định.

Thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quản lý, kiểm định giống; phối giống các dòng tinh cao sản thích hợp với điều kiện nhiệt đới, nhằm tạo ra những thế hệ sau có năng suất, chất lượng tốt. Chủ động tổ chức và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch tễ cho đàn bò sữa, xây dựng được các cơ sở chăn nuôi bò sữa an toàn dịch bệnh, giảm chi phí điều trị, thuốc thú y, góp phần giảm giá thành, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Phối hợp với các đơn vị thu mua sữa tươi nguyên liệu trong việc tăng giá thu mua sữa phù hợp với chi phí sản xuất; các đơn vị sản xuất hèm bia làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong việc quản lý chất lượng và ổn định giá cung cấp cho người chăn nuôi, giúp người chăn nuôi ổn định sản xuất.

Xây dựng và nhân rộng được mô hình chăn nuôi bò sữa với cơ giới hóa trong chăn nuôi (hệ thống máy vắt sữa, hệ thống chuồng 2 tầng máy tạo thông thoáng...) bước đầu mang lại nhiều lợi ích cho người chăn nuôi (năng suất sữa tăng, tỷ lệ nhiễm bệnh giảm, chất lượng sữa được đảm bảo vệ sinh qua sử dụng máy vắt sữa) và xây dựng hệ thống biogas trong các hộ chăn nuôi bò sữa giúp tiết kiệm nhiên liệu trong sinh hoạt gia đình và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

2. Tồn tại:

Hiện nay quy mô chăn nuôi nông hộ còn nhỏ, đất trồng cỏ hạn chế, chất lượng cơ giới hóa trong chăn nuôi thấp, chi phí sản xuất cao, nhiều chi phí trung gian, tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi chưa được cải thiện.

Một bộ phận người dân vẫn chưa quan tâm đến các biện pháp giảm chi phí sản xuất, vệ sinh sữa..., dẫn đến tình trạng tăng giá thành sản xuất, tỷ lệ viêm vú tiềm ẩn và nhiễm vi sinh trong sữa vẫn cao.

Lực lượng dẫn tinh viên chưa được quản lý chặt chẽ; còn ít các mô hình chăn nuôi bò sữa đồng bộ; phương thức chuyên gia còn mang tính lý thuyết, chưa đủ sức thuyết phục để người dân đưa vào ứng dụng nhằm đạt hiệu quả chăn nuôi.

Giá các loại thức ăn hỗn hợp, thức ăn thô xanh và các loại phụ phẩm không ổn định, luôn trong tình trạng tăng cao kể cả chi phí vận chuyển, vật tư chăn nuôi, thuốc thú y.

Phần II

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BÒ SỮA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BÒ SỮA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Sự cần thiết:

Thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy, theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X; định hướng quy hoạch sản xuất nông nghiệp và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Góp phần thực hiện các chương trình, chiến lược quốc gia như Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của Bộ Tài chính, trong đó sữa là 1 trong 14 mặt hàng thuộc diện bình ổn giá; Chiến lược quốc gia dinh dưỡng, nhằm gia tăng và cải thiện về dinh dưỡng đối với người dân để đảm bảo sự phát triển về thể chất và trí tuệ; quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 của Bộ Công Thương.

Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu phát triển bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010, nhằm phát huy thế mạnh là đơn vị dẫn đầu về cung cấp đàn giống bò sữa chất lượng cao cho cả nước, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với ngành hàng sữa tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ sở pháp lý:

Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020; Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020;

Quyết định số 3399/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án Xây dựng và Phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

II. MỘT SỐ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN CHĂN NUÔI BÒ SỮA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

1. Những mặt thuận lợi:

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010;

Mục tiêu đến năm 2015, nhu cầu tiêu thụ sữa bình quân đầu người là 21 lít/người/năm, trong đó khu vực Đông Nam Bộ chiếm 67,4% tổng công suất sản xuất sữa quy sữa tươi trong cả nước và 38% tự cung cấp nguồn sữa tươi trong nước.

Thực hiện Chương trình và chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, trong đó tập trung hình thành và phát triển những vùng sản xuất giống chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học để lai tạo giống và nâng cao năng suất, chất lượng; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và khả năng cạnh tranh.

Đa số người chăn nuôi bò sữa được trang bị kiến thức, kinh nghiệm chăn nuôi và khuynh hướng phát triển bò sữa theo hướng tăng quy mô, hình thành các trang trại chăn nuôi kết hợp với cơ giới hóa, hiện đại hóa sản xuất.

Hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu rộng khắp trên địa bàn, gắn kết chặt chẽ giữa người sản xuất và cả nhà máy tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu phát triển chăn nuôi và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Những khó khăn:

Tốc độ đô thị hóa tăng nhanh; lao động trong nông nghiệp giảm dần; quy mô chăn nuôi nhỏ, phân tán, tận dụng còn chiếm tỷ lệ cao.

Diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai; tình hình dịch bệnh tại các địa phương chưa được kiểm soát tốt, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đang là đòi hỏi bức xúc của người tiêu dùng.

Nguyên liệu thức ăn còn lệ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành nông sản và hiệu quả sản xuất của nông dân.

Trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới, nhất là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp dự báo sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt.

III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển:

Phát triển chăn nuôi bò sữa theo hướng trang trại, công nghiệp, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; khai thác tối đa tiềm năng bò sữa, giảm tối đa các chi phí trung gian trong chăn nuôi bò sữa; cơ giới hóa, hiện đại hóa các khâu chăn nuôi.

Giữ vững vai trò là trung tâm cung cấp giống bò sữa cao sản; hình thành những vùng chăn nuôi tập trung, ổn định lâu dài, cung cấp sản phẩm sữa tươi an toàn.

2. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục nâng cao chất lượng con giống phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới,

gắn với công tác kiểm định và chứng nhận đàn bò sữa theo các phương pháp tiên tiến, từng bước hình thành đàn hạt nhân mở của thành phố Hồ Chí Minh.

Đẩy mạnh các hình thức liên kết, hợp tác trong chăn nuôi bò sữa; chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô trang trại tập trung, công nghiệp, kiểm soát an toàn sinh học, chất lượng sữa và môi trường chăn nuôi tại nông hộ; mở rộng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Nhân rộng các mô hình khuyến nông chăn nuôi bò sữa hoàn chỉnh theo hướng cơ giới hóa, hiện đại hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ mới; củng cố các hợp tác xã chăn nuôi bò sữa hoạt động theo hướng gắn kết sản xuất, dịch vụ với tiêu thụ; nâng cao năng lực của đội ngũ làm công tác giống, thú y, khuyến nông bò sữa.

3. Mục tiêu cụ thể:

Duy trì đàn bò sữa đến năm 2015 là 83.500 con, trong đó cơ cấu đàn cái sinh sản chiếm 70% và đàn cái vắt sữa chiếm 50% tổng đàn; trong đó xây dựng đàn hạt nhân mở chiếm 2 - 5% tổng đàn bò sữa thành phố có năng suất sữa trên 8.000 kg/con/năm. Sản lượng sữa tươi đạt 250.000 tấn/năm.

Kiểm định và chứng nhận chất lượng con giống theo tiêu chuẩn hiện hành. Phần đầu đến năm 2015, năng suất sữa đạt bình quân 6.200 - 6.500 kg/con/năm; tuổi phối giống lần đầu 15 - 16 tháng; tuổi đẻ lứa đầu 24 - 25 tháng; khoảng cách 2 lứa đẻ 400 - 425 ngày; hệ số phối 2,8 - 3 lần/con; hàm lượng chất béo 4%, protein sữa 3,5%, vật chất khô 13 - 13,5%.

Không chế được một số bệnh trên bò sữa như Lở mồm long móng, lao, *Brucellosis*, *Leptospirosis* và ký sinh trùng đường máu trên bò sữa; tỷ lệ viêm vú tiềm ẩn và số lượng tế bào somatic trên 1.000.000 tế bào/ml không vượt quá 25% vào năm 2015. Được Cục Thú y công nhận thành phố Hồ Chí Minh an toàn bệnh sảy thai truyền nhiễm và lao trên đàn bò sữa.

Áp dụng các tiêu chí thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) trong chăn nuôi bò sữa tại nông hộ. Đưa vào vận hành trại trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao Israel; xây dựng ít nhất 01 mô hình hợp tác xã chăn nuôi bò sữa đồng bộ từ cung cấp con giống, thức ăn TMR, các dịch vụ về gieo tinh, thú y, kiểm soát chất lượng và thu mua sữa cho các xã viên tham gia. Phần đầu đến năm 2015, quy mô chăn nuôi bò sữa bình quân là 15 con/hộ.

Đến năm 2015, 65 - 67% hộ chăn nuôi bò sữa có hệ thống xử lý chất thải; tỷ lệ

sử dụng khẩu phần TMR đạt 20- 25%; tỷ lệ cơ giới hóa, hiện đại hóa trong chăn nuôi bò sữa đạt 30 - 35%. Diện tích trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa đạt 4.090 ha.

Đào tạo 50 cán bộ chuyên sâu về các lĩnh vực giống, thú y, khuyến nông phục vụ chăn nuôi và quản lý giống bò sữa.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp nâng cao chất lượng con giống bò sữa thành phố:

Tổ chức bình tuyển cho 100% đàn bê cái trên 12 tháng tuổi; kiểm định, chứng nhận và đăng ký thương hiệu giống bò sữa; tuyển chọn và xây dựng đàn hạt nhân mở theo các phương pháp giám định bò sữa của các nước tiên tiến.

Nghiên cứu một số công thức lai từ nền của một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện nhiệt đới (như giống Brahman, Sahiwal...) hoặc giống bò sữa khác (như giống Jersey), để tạo ra đàn bò lai hướng sữa có năng suất và chất lượng sữa cao, phù hợp với nhu cầu chế biến, tiêu dùng sữa và điều kiện khí hậu nhiệt đới.

Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra qua đờn sau đờn với các dòng tinh bò sữa kinh doanh trên địa bàn; nhập các dòng tinh cao sản chịu nhiệt, tinh phân biệt giới tính, nhằm tăng nhanh số lượng và chất lượng đàn cái vắt sữa.

Tiếp tục khuyến cáo người chăn nuôi loại thải những con bò có năng suất thấp, hoặc có các vấn đề về bệnh sinh sản... Hướng dẫn người chăn nuôi chọn lọc và phối giống các dòng tinh bò sữa thích hợp. Chuyển giao các phần mềm quản lý giống cho các trang trại chăn nuôi, hướng đến thiết lập hệ thống tích hợp dữ liệu từ cơ sở giống đến cơ quan quản lý giống.

Ứng dụng quản lý giống bò sữa theo các chương trình quản lý giống tiên tiến như đánh giá tiến bộ di truyền theo phương pháp BLUP (Best Linear Unbiased Prediction) và chương trình cải thiện chất lượng đàn bò sữa (Dairy Herd Improvement - DHI). Chuẩn hóa hệ thống giống, sử dụng thống nhất hệ thống ghi chép trong công tác quản lý giống phục vụ cho việc đánh giá chất lượng giống. Nghiên cứu cải tiến công nghệ sinh sản, đặc biệt là công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phối và cấy chuyển hợp tử; ứng dụng công nghệ gen trong xác định giới tính tinh, phối.

Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh tinh bò sữa; thường xuyên kiểm tra tay nghề và chất lượng gieo tinh bò sữa của đội ngũ dẫn tinh viên hoạt động trên địa bàn thành phố.

2. Giải pháp khoa học, công nghệ trong chăn nuôi bò sữa:

Áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong kiểm định giống, chăn nuôi, thú y, sữa nguyên liệu...; đồng thời nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, nhằm cải thiện năng suất, chất lượng con giống và sữa nguyên liệu.

Đẩy mạnh đầu tư cơ giới hóa, hiện đại hóa trang thiết bị và cơ sở vật chất; ứng dụng toàn diện và đồng bộ các kỹ thuật làm mát, giảm stress nhiệt, tạo sân vận động, không cầm cột (free stall, loose bam...), hệ thống vắt sữa, sử dụng TMR từng phân, từng đối tượng bò; xử lý chất thải và khai thác biogas. Ưu tiên đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác các dự án trại bò sữa An Phú - Củ Chi, trại trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao Israel trong giai đoạn 2011 - 2015.

Nghiên cứu các chế phẩm, hoạt chất sinh học (interferon) bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; ứng dụng công nghệ lên men, làm giàu dinh dưỡng cho các phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho bò sữa quy mô công nghiệp; nghiên cứu công nghệ bảo quản sau chế biến để lưu giữ dinh dưỡng trong nguồn thức ăn xanh.

Nghiên cứu và ứng dụng các bộ kit chẩn đoán bệnh cho bò sữa như viêm vú, các bệnh về sinh sản; sản xuất các dược phẩm và vắc xin phòng bệnh cho bò sữa.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn TMR; nghiên cứu và sản xuất các thiết bị phục vụ cơ giới hóa chăn nuôi.

3. Giải pháp thú y phục vụ bò sữa:

Củng cố và nâng cao năng lực mạng lưới thú y cơ sở và hệ thống thông tin giám sát dịch bệnh trên đàn bò sữa, đảm bảo quản lý và giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn bò sữa và diễn biến xuất nhập đàn tại nông hộ.

Tổ chức tiêm phòng định kỳ đối với bệnh Lở mồm long móng và Tụ huyết trùng đảm bảo 100% trên diện tiêm và 80% tổng đàn, tỷ lệ bảo hộ trên đàn bò sữa đạt 80%. Giám sát và hỗ trợ người chăn nuôi trong chẩn đoán, xét nghiệm và điều trị các bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng, viêm vú tiềm ẩn và các bệnh sinh sản.

Quản lý, kiểm tra vệ sinh chăn nuôi, chất lượng sữa tươi tại nông hộ (đánh giá chất lượng, kháng sinh tồn dư, độc tố nấm trong sữa) và vệ sinh chuồng trại. Tập trung chuyển giao và tăng tỷ lệ người chăn nuôi bò sữa sử dụng có hiệu quả kỹ thuật CMT, sử dụng iodin sau khi vắt sữa trong kiểm soát viêm vú tiềm ẩn. Tập huấn,

chuyển giao kỹ thuật xét nghiệm một số chỉ tiêu cơ bản (vật chất khô, độ béo, đạm, nhiễm vi sinh trong sữa) cho các hợp tác xã chăn nuôi bò sữa.

Xây dựng các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh. Phần đầu đến năm 2015, Cục Thú y công nhận thành phố Hồ Chí Minh an toàn bệnh sảy thai truyền nhiễm và bệnh lao trên đàn bò sữa thành phố.

Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ phục vụ chẩn đoán xét nghiệm và điều trị nhất là điều trị các bệnh sinh sản và phòng chống dịch bệnh trên đàn bò sữa. Quản lý chặt chẽ đội ngũ thú y tư nhân, dẫn tinh viên bò sữa trên địa bàn thành phố.

4. Giải pháp về tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu giống bò sữa thành phố:

Công bố công khai quy hoạch chi tiết vùng khuyến khích chăn nuôi trên địa bàn. Khuyến khích sản xuất giống bò sữa theo phương thức trang trại, công nghiệp, với hàm lượng cơ giới hóa và hiện đại hóa cao, nhằm giảm công lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất và lợi nhuận.

Vận động người dân tận dụng nguồn đất trống và mảnh dạn chuyển diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa. Xây dựng các khẩu phần thức ăn bò sữa phù hợp với từng giai đoạn sản xuất; khai thác nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm; khuyến khích tăng tỷ lệ sử dụng thức ăn ủ chua, các dạng protein by-pass, khẩu phần thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) trong chăn nuôi bò sữa, để nâng cao năng suất và giảm giá thành sản xuất.

Nhập, thử nghiệm và nhân rộng các giống cỏ mới có chất lượng và năng suất cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng; đồng thời liên kết hợp tác với các tỉnh để cung cấp nguyên liệu cho các hợp tác xã chăn nuôi bò sữa, các nhà máy sản xuất TMR.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi bò sữa đồng bộ, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong chăn nuôi bò sữa theo hướng tập trung thúc đẩy phát triển chăn nuôi trang trại, công nghiệp, sản xuất hàng hóa, kiểm soát dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tái sử dụng nguồn năng lượng từ chất thải (biogas).

Hình thành và nâng cao năng lực các tổ hợp tác liên kết, các cụm chăn nuôi bò sữa, các hợp tác xã theo hướng khép kín chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ kỹ thuật

cho xã viên. Phần đầu đến năm 2015, vận động 50 - 60% hộ nuôi tham gia vào các loại hình hợp tác chăn nuôi; hình thành Hội bò sữa thành phố.

Phối hợp với các doanh nghiệp để thu mua, chế biến sữa, sản xuất thức ăn, thuốc thú y, trang thiết bị chăn nuôi. Mở rộng hệ thống trạm trung chuyên, điểm thu mua sữa tươi nguyên liệu, đảm bảo tiêu thụ toàn bộ lượng sữa cho người chăn nuôi.

Tăng cường cập nhật, quảng bá thông tin về tình hình chăn nuôi, thị trường con giống, nguyên liệu... trong nước và thế giới. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu giống. Tổ chức hội chợ, hội thi giống bò sữa để người chăn nuôi, các doanh nghiệp tham gia giới thiệu, quảng bá con giống, các dịch vụ phục vụ chăn nuôi bò sữa. Giới thiệu địa chỉ các cơ sở cung cấp con giống tốt.

Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình sữa học đường, góp phần gia tăng và cải thiện về dinh dưỡng đối với người dân, nâng cao thể lực cho thế hệ trẻ.

5. Giải pháp đào tạo nhân lực ngành chăn nuôi bò sữa

Đào tạo ngắn hạn và khuyến nông nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại... để tự xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch sản xuất và quản lý đàn trại nông hộ.

Quy hoạch đào tạo trong nước và nước ngoài cho các nhà khoa học và cán bộ có trình độ chuyên sâu về giống, dinh dưỡng, thú y, an toàn thực phẩm...

Tổ chức tham quan học tập các mô hình chăn nuôi bò sữa hiệu quả trong nước, ngoài nước.

6. Giải pháp chính sách:

Triển khai các cơ chế, chính sách về khuyến khích và hỗ trợ người chăn nuôi, nhằm nâng cao chất lượng đàn giống, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sản xuất, giúp người chăn nuôi nhanh chóng tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, phát triển kinh tế trang trại.

Nghiên cứu và xây dựng các chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức, hợp tác xã, cá nhân đầu tư nghiên cứu, sản xuất giống bò sữa; đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa ngành chăn nuôi; hỗ trợ phát triển sản xuất nguyên liệu, cây thức ăn chăn nuôi... Hỗ trợ xây dựng các mô hình chăn nuôi bò sữa đồng bộ về tiến bộ mới trong chăn nuôi có hiệu quả, bền vững và an toàn sinh học.

V. TRIỂN KHAI CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Dự án “Nhập nội và cải thiện giống bò sữa trên địa bàn thành phố”:

Mục tiêu:

- Nhân nhanh đàn bò sữa cao sản của thành phố Hồ Chí Minh.
- Cung cấp con giống cao sản phù hợp với điều kiện nóng ẩm nhiệt đới cho thành phố và các tỉnh.

Nội dung:

- Nhập nguồn tinh phân biệt giới tính cao sản để phối cho đàn bò sữa hạt nhân có năng suất trên 8.000 kg/năm (1.000 con, tương ứng 12.000 liều).
- Nhập và quản lý các dòng tinh cao sản nhiệt đới, để cải thiện năng suất sữa và thay mới đàn bò vắt sữa hiện hữu có năng suất 7.000 - 8.000 kg/năm (8.000 con, tương ứng 128.000 liều).
- Nghiên cứu và chọn tạo một số công thức lai giống bò sữa mới.

Kinh phí thực hiện: 33,9 tỷ đồng

- + Nguồn ngân sách cấp: **17,3 tỷ đồng** (hỗ trợ 50% chi phí mua tinh bò sữa và các chi phí quản lý, bảo quản tinh).
- + Nguồn từ các hộ chăn nuôi và doanh nghiệp: **16,6 tỷ đồng** (chi phí tinh bò sữa và công gieo tinh).

Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Quản lý và Kiểm định Giống Cây trồng - Vật nuôi.

Đơn vị phối hợp: Công ty Bò sữa thành phố, các doanh nghiệp kinh doanh tinh bò sữa, các cơ sở chăn nuôi.

2. Dự án “Công tác quản lý, đánh giá di truyền giống bò sữa theo phương pháp tiên tiến phù hợp chuẩn mực quốc tế và xây dựng đàn hạt nhân mở”

Mục tiêu: Quản lý giống bò sữa theo các chương trình quản lý giống tiên tiến như đánh giá tiến bộ di truyền theo phương pháp BLUP và chương trình cải thiện chất lượng đàn bò sữa (Dairy Herd Improvement - DHI).

Nội dung:

- Tổ chức bình tuyển 100% đàn cái trên 12 tháng tuổi (5.000 con/năm)
- Thu thập dữ liệu cá thể giống, các biện pháp tác động để cải thiện chất lượng đàn bò sữa (dinh dưỡng, chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, thú y...), năng suất, chất lượng sữa tại các trại chăn nuôi trong vùng và đánh giá chỉ số chọn lọc. Hoàn chỉnh các quy trình quản lý (kể cả phần mềm quản lý giống, trang thiết bị liên quan).
- Xây dựng chỉ số chọn lọc dùng trong hệ thống đánh giá di truyền giống bò sữa.
- Kiểm định, đánh giá tiến bộ di truyền; chọn lọc và ổn định tiêu chuẩn chất lượng con giống; xây dựng đàn hạt nhân cao sản năng suất 8.000 - 10.000 kg/năm.

Kinh phí thực hiện: 02 tỷ đồng (từ nguồn ngân sách thành phố).

Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Quản lý và Kiểm định Giống Cây trồng - Vật nuôi.

Đơn vị phối hợp: Bộ môn Di truyền giống - Trường Đại học Nông Lâm; Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV và các doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi bò sữa.

3. Chương trình “Tăng cường công tác thú y phát triển bò sữa, kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”

Mục tiêu:

- Kiểm soát tình hình dịch tễ đàn gia súc, đảm bảo an toàn dịch bệnh và sức khỏe cho đàn bò sữa.
- Bảo vệ sức khỏe cho người chăn nuôi và an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

Nội dung:

- Giám sát dịch tễ và quản lý đàn bò sữa thành phố. Thường xuyên kiểm tra, cập nhật dữ liệu và kiểm soát chặt chẽ tình hình nhập, xuất đàn tại nông hộ.
- Tiêm phòng miễn phí đàn bò sữa đối với các bệnh Lở mồm và Tụ huyết trùng và đánh giá mức độ bảo hộ sau tiêm phòng.
- Giám sát các bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng, viêm vú tiềm ẩn và các bệnh

sinh sản: Lao và sảy thai truyền nhiễm (2 năm/lần): 1.200 mẫu/bệnh; xoắn khuẩn 1.170 mẫu/năm; ký sinh trùng đường máu 845 mẫu/năm; CMT 600 mẫu/năm...

- Mở rộng quản lý, kiểm tra vệ sinh chăn nuôi, chất lượng sữa tại nông hộ như đánh giá chất lượng sữa, kháng sinh tồn dư, chất cấm... Chuyển giao các biện pháp phòng chống và phát hiện viêm vú tiềm ẩn như phương pháp CMT, bình sát trùng bầu vú sau khi vắt sữa.

- Xây dựng các mô hình chăn nuôi bò sữa ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (10 mô hình).

- Nâng cao năng lực chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh bò sữa.

Kinh phí thực hiện: 12,193 tỷ đồng.

+ Nguồn ngân sách cấp: **9,286 tỷ đồng.**

+ Nguồn từ các hộ chăn nuôi và doanh nghiệp: **2,907 tỷ đồng.**

Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Chi Cục Thú y.

Đơn vị phối hợp: Các doanh nghiệp thu mua sữa.

4. Đề án “Tăng cường trang thiết bị phục vụ ngành chăn nuôi bò sữa”

Mục tiêu:

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong chăn nuôi bò sữa và các kỹ thuật mới, nhằm cải thiện điều kiện sản xuất, giảm nhân công và nâng cao hiệu quả lao động.

- Cung cấp khẩu phần thức ăn hỗn hợp, hoàn chỉnh chất lượng cao cho bò sữa, góp phần nâng cao sản lượng và chất lượng sữa, khai thác tiềm năng sản xuất của con giống cao sản và giảm giá thành thức ăn cho bò sữa.

Nội dung:

- Đẩy mạnh chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, trong đó khuyến khích người dân tận dụng nguồn đất trống và mảnh dạn chuyển diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cỏ thâm canh, có đầu tư hệ thống tưới phun tự động phục vụ chăn nuôi bò sữa.

- Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư các máy móc, thiết bị hỗ trợ chăn nuôi, cải thiện tiểu khí hậu chuồng nuôi, nhằm giảm sức lao động, hạn chế stress nhiệt, ruồi nhặng và giảm thiểu tình trạng viêm vú tiềm ẩn, tăng năng suất sữa.

- Xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn TMR tại thành phố Hồ Chí Minh theo phương thức ngân sách hỗ trợ nhập hệ thống máy trộn thức ăn TMR (100%), các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống nhà xưởng (nhà kho, hồ ủ chua...) và tổ chức sản xuất, cung cấp thức ăn cho đàn bò sữa.

- *Phần đầu đến năm 2013*, 90% hộ chăn nuôi bò sữa có quy mô từ 20 con đến dưới 50 con/hộ, được trang bị 01 máy vắt sữa dạng hệ thống, máy rửa thiết bị vắt sữa và bình nhôm chứa sữa (ước khoảng 700 hộ).

- *Phần đầu đến năm 2015*, 50% hộ có quy mô trên 20 con/hộ được trang bị hệ thống làm mát chuồng trại và thiết bị theo dõi nhiệt độ, ẩm độ chuồng nuôi (ước khoảng 960 hộ); 50% hộ có quy mô từ 20 con đến dưới 50 con/hộ và phải có đồng cỏ thâm canh, được trang bị 01 máy băm thái cỏ có trục cuốn (ước khoảng 700 hộ); 30% hộ có quy mô trên 50 con/hộ và phải có đồng cỏ thâm canh, được trang bị 01 máy trộn thức ăn TMR 3 pha (ước khoảng 120 hộ).

Dự trù kinh phí: 62,37 tỷ đồng.

+ Nguồn ngân sách cấp: **28,985 tỷ đồng** (hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm trang thiết bị và chi phí quản lý chương trình).

+ Nguồn từ vốn vay ưu đãi và vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ chăn nuôi: **33,385 tỷ đồng** (máy móc, thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống nhà kho).

Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông.

Đơn vị phối hợp: Chi Cục Phát triển nông thôn, Trung tâm Quản lý và Kiểm định Giống Cây trồng - Vật nuôi, các doanh nghiệp cung cấp trang thiết bị, các hợp tác xã và hộ chăn nuôi, các doanh nghiệp thu mua sữa.

5. Đề án “Củng cố và nâng cấp hệ thống Hợp tác xã, Tổ hợp tác chăn nuôi bò sữa trên địa bàn thành phố”

Mục tiêu:

- Tổ chức phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi bò sữa tại các địa phương phát triển chăn nuôi bò sữa tập trung.

- Tập trung phát triển và mở rộng dịch vụ cung ứng, tiêu thụ các sản phẩm, tín dụng phục vụ chăn nuôi bò sữa: thức ăn, gieo tinh, phòng trị bệnh...

Nội dung:

- Vận động người chăn nuôi bò sữa tham gia vào các tổ hợp tác, hợp tác xã.
- Nâng cao năng lực điều hành cho cán bộ quản lý hợp tác xã.
- Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã chăn nuôi bò sữa hiện hữu trên địa bàn theo hướng dịch vụ hóa từ cung cấp con giống, thức ăn TMR, các dịch vụ về thú y, gieo tinh và thu mua sữa.

Kinh phí thực hiện: 0,808 tỷ đồng

Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Chi Cục Phát triển nông thôn, các hợp tác xã bò sữa.

6. Chương trình “Xúc tiến thương mại bò sữa”

Mục tiêu: Xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu giống bò sữa của thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung:

- Xây dựng thương hiệu giống bò sữa và mở rộng giao dịch kinh doanh con giống tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổ chức Hội thi bò sữa định kỳ 2 năm/lần, giúp người chăn nuôi có sự cạnh tranh trong việc quản lý, nâng cao chất lượng giống.

- Xây dựng thương hiệu giống bò sữa.

Kinh phí thực hiện: 2,5 tỷ đồng bao gồm các hoạt động

- Nguồn từ ngân sách cấp: **1,25 tỷ đồng**
- Nguồn từ các doanh nghiệp: **1,25 tỷ đồng**.

Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Tư vấn hỗ trợ nông nghiệp.

Đơn vị phối hợp: Các doanh nghiệp.

7. Đề án “Đầu tư nghiên cứu sản xuất trang thiết bị phục vụ chăn nuôi bò sữa thay thế ngoại nhập”

Mục tiêu:

- Nâng trình độ cơ giới hóa, hiện đại hóa chăn nuôi với các trang thiết bị chế tạo trong nước.

- Sản xuất các thiết bị phù hợp trong nước với giá thành hạ.

Nội dung:

Hỗ trợ kinh phí để các cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất các trang thiết bị thay thế hàng nhập ngoại, các trang thiết bị nghiên cứu hoặc ứng dụng sản xuất như máy trộn thức ăn; các dụng cụ dao gọt móng, cưa sừng, kìm thiến đực; dụng cụ vắt sữa, bao bì chứa đựng sữa; thiết bị chuồng trại chăn nuôi...

Kinh phí thực hiện: 01 tỷ đồng (từ nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ).

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ.

Đơn vị thực hiện: các doanh nghiệp sản xuất thiết bị.

8. Đề án “Đào tạo, huấn luyện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”

Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo các chuyên gia đầu đàn về bò sữa trên các lĩnh vực giống, dinh dưỡng, thú y; tổ chức sản xuất trong chăn nuôi bò sữa.

- Học tập và ứng dụng nhanh các thành tựu, tiến bộ mới để nhanh chóng ứng dụng vào chăn nuôi bò sữa tại thành phố, giúp phát triển bền vững.

Nội dung:

- Đào tạo ngắn hạn và khuyến nông nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại... để tự xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch sản xuất và quản lý đàn trại nông hộ.

- Đào tạo trong nước và nước ngoài cho các nhà khoa học và cán bộ có trình độ chuyên sâu về giống, dinh dưỡng, thú y, an toàn thực phẩm...

- Tổ chức tham quan học tập các mô hình chăn nuôi bò sữa hiệu quả trong nước, ngoài nước.

Kinh phí thực hiện: 3 tỷ đồng

Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp.

9. Đề án “Nghiên cứu triển khai công tác cấy truyền phôi bò sữa đã xác định giới tính trên địa bàn thành phố”

Mục tiêu:

Sản xuất nhân nhanh đàn bò sữa hạt nhân thông qua công nghệ truyền phôi đã xác định giới tính.

Nội dung:

- Gây động dục để thu hoạch trứng bằng phương pháp siêu bài noãn.
- Nghiên cứu tạo phôi đã xác định giới tính *in vitro*.
- Triển khai cấy truyền phôi trên địa bàn thành phố.

Kinh phí thực hiện: 3 tỷ đồng.

- Nguồn ngân sách cấp: 1,5 tỷ đồng.
- Các doanh nghiệp: 1,5 tỷ đồng (dưới dạng con giống, con nhận phôi, kỹ thuật viên và các quy trình thực hiện cấy chuyển phôi).

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ.

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Công nghệ Sinh học.

Đơn vị phối hợp: Công ty TNHH MTV Bò sữa, các doanh nghiệp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển đàn bò sữa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các sở, ngành có liên quan:

- Thường xuyên giám sát tình hình phát triển và phòng, chống dịch bệnh trên đàn bò sữa; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn kỹ thuật chuồng trại, chăm sóc, nuôi dưỡng, xây dựng các mô hình chăn nuôi bò sữa hiệu quả theo hướng an toàn sinh học và đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Xây dựng đàn hạt nhân mở, chứng nhận con giống theo các phương pháp tiên tiến. Tăng cường các hoạt động khuyến nông, xúc tiến thương mại, nghiên cứu khảo sát thị trường, nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi bò sữa... giúp người chăn nuôi định hướng sản xuất ổn định.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện (có sản xuất nông nghiệp):

- Tổ chức phổ biến, công khai quy hoạch chăn nuôi đã được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn, nhằm đảm bảo phát triển ổn định, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình phát triển đàn bò sữa và Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kế hoạch vốn hàng năm, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển bò sữa trong từng thời kỳ kế hoạch, tiến độ đầu tư các chương trình, đề án, dự án.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì xét duyệt, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc Chương trình phát triển đàn bò sữa, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng con giống bò sữa; cải tiến kỹ thuật về giống, chăm sóc, nuôi dưỡng, thú y...; tăng tỷ lệ nội địa hóa các vật tư, kỹ thuật trong chăn nuôi bò sữa.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với các công ty thu mua sữa, các hợp tác xã chăn nuôi bò sữa và các sở, ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố Chương trình sữa học đường, nhằm đảm bảo cho trẻ em thành phố được uống sữa tươi, nhất là đối với trẻ em ở các huyện ngoại thành thành phố.

6. Các doanh nghiệp tham gia chương trình:

Ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm đối với các hộ chăn nuôi bò sữa, giúp người chăn nuôi yên tâm sản xuất.

Phối hợp với ngành nông nghiệp trong các hoạt động khuyến nông, gieo tinh, thú y nhằm nâng cao năng suất và chất lượng con giống, sữa tươi nguyên liệu.

Hỗ trợ người chăn nuôi bò sữa đầu tư nâng cấp trang thiết bị, vật tư chăn nuôi... bằng các phương thức trả chậm thông qua hợp đồng thu mua hoặc các hình thức thỏa thuận khác./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

Phụ lục
KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN,
ĐỀ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4320/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**1. DỰ ÁN “NHẬP NỘI VÀ CẢI THIỆN GIỐNG BÒ SỮA TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”**

1.1. Nội dung:

- Nhập 12.000 liều tinh phân biệt giới tính cao sản, để phối cho đàn bò sữa hạt nhân có năng suất trên 8.000 kg/năm (1.000 con).
- Nhập 128.000 liều tinh cao sản nhiệt đới, để cải thiện năng suất sữa và thay mới đàn bò vắt sữa hiện hữu có năng suất 7.000 - 8.000 kg/năm (8.000 con).

1.2. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện: **33,9 tỷ đồng**

- Nguồn ngân sách cấp: *17,3 tỷ đồng* (hỗ trợ 50% chi phí mua tinh bò sữa và các chi phí quản lý, bảo quản tinh).
- Nguồn từ các hộ chăn nuôi và doanh nghiệp: *16,6 tỷ đồng* (chi phí tinh bò sữa và công gieo tinh).

Cụ thể:

*** Nhập tinh giới tính cho đàn bò sữa hạt nhân (1.000 con):**

- Số liều tinh nhập và gieo: 12.000 liều (1.000 con x 4 liều/con x 3 năm).
- Thời gian thực hiện: 2013 - 2015.
- Tổng kinh phí: **12,78 tỷ đồng**, trong đó:

+ Từ nguồn ngân sách cấp: 6,42 tỷ đồng:

Hỗ trợ 50% kinh phí nhập tinh giới tính: *6 tỷ đồng* (12.000 liều x 1.000.000 đồng/liều x 50%).

Bảo quản tinh: *0,18 tỷ đồng* (12.000 liều x 15.000 đồng/liều)

Hỗ trợ vật tư gieo tinh: *0,06 tỷ đồng* (12.000 liều x 5.000 đồng/liều).

Chi phí theo dõi và báo cáo kết quả gieo tinh: *0,18 tỷ đồng* (12.000 liều x 15.000 đồng/liều).

+ Từ nguồn các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi bò sữa: 6,36 tỷ đồng:

Chi phí mua tinh bò sữa giới tính: *6 tỷ đồng* (12.000 liều x 1.000.000 đồng/liều x 50%).

Công gieo tinh: *0,36 tỷ đồng* (12.000 liều x 30.000 đồng/liều)

*** Nhập tinh cho đàn bò sữa năng suất cao (8.000 con):**

- Số liều tinh nhập và gieo: 128.000 liều (8.000 con x 4 liều/con x 4 năm).

- Thời gian thực hiện: **2012 - 2015.**

- Tổng kinh phí: **21,12 tỷ đồng**, trong đó:

+ Từ nguồn ngân sách cấp: 10,88 tỷ đồng

Hỗ trợ 50% kinh phí nhập tinh giới tính: *6,4 tỷ đồng* (128.000 liều x 100.000 đồng/liều x 50%).

Bảo quản tinh: *1,92 tỷ đồng* (128.000 liều x 15.000 đồng/liều)

Hỗ trợ vật tư gieo tinh: *0,64 tỷ đồng* (128.000 liều x 5.000 đồng/liều).

Chi phí theo dõi và báo cáo kết quả gieo tinh: *1,92 tỷ đồng* (128.000 liều x 15.000 đồng/liều).

+ Từ nguồn các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi bò sữa: 10,24 tỷ đồng:

Chi phí mua tinh bò sữa giới tính: *6,4 tỷ đồng* (128.000 liều x 100.000 đồng/liều x 50%).

Công gieo tinh: *3,84 tỷ đồng* (128.000 liều x 30.000 đồng/liều)

2. DỰ ÁN “CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐÁNH GIÁ DI TRUYỀN GIỐNG BÒ SỮA THEO PHƯƠNG PHÁP TIÊN TIẾN PHÙ HỢP CHUẨN MỰC QUỐC TẾ VÀ XÂY DỰNG ĐÀN HẠT NHÂN MỞ”

2.1. Nội dung:

- Thời gian thực hiện: **2011 - 2015.**

- Hàng năm tổ chức bình tuyển 5.000 con bê cái trên 12 tháng tuổi.

- Thu thập dữ liệu cá thể giống, các biện pháp tác động để cải thiện chất lượng đàn bò sữa (dinh dưỡng, chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, thú y...), năng suất, chất lượng sữa tại các trại chăn nuôi trong vùng và đánh giá chỉ số chọn lọc.

- Xây dựng đàn hạt nhân cao sản năng suất 8.000 - 10.000 kg/năm (1.000 con).

2.2. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện: **02 tỷ đồng** (từ nguồn ngân sách), trong đó:

- Thu thập và xử lý dữ liệu: *0,4 tỷ đồng*;
- Xây dựng chỉ số chọn lọc: *0,4 tỷ đồng*;
- Triển khai đăng ký sổ giống: *0,2 tỷ đồng*;
- Xây dựng tiêu chuẩn giống: *0,4 tỷ đồng*;
- Xây dựng và hoàn chỉnh các quy trình quản lý (kể cả phần mềm quản lý giống, trang thiết bị liên quan): *0,6 tỷ đồng*.

3. CHƯƠNG TRÌNH “TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THÚ Y PHÁT TRIỂN BÒ SỮA, KIỂM SOÁT DỊCH BỆNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”

3.1. Nội dung:

- Thời gian thực hiện: **2011 - 2015**.
- Hàng năm tổ chức tiêm phòng miễn phí 160.000 liều vaccin Lở mồm và 80.000 liều Tụ huyết trùng và đánh giá mức độ bảo hộ sau tiêm phòng.
- Tổ chức lấy mẫu chẩn đoán bệnh: 1.200 mẫu lao (600 mẫu/năm x 2 năm/lần), 1.200 mẫu *Brucellosis* (600 mẫu/năm x 2 năm/lần), 5.850 mẫu *Leptospirosis*, 4.225 mẫu ký sinh trùng đường máu, 3.000 mẫu CMT, 1.000 mẫu kháng sinh đồ, 3.450 mẫu FMD - O, 3.750 mẫu FMD - 3ABC, 600 mẫu kháng sinh tồn dư sữa, 875 mẫu aflatoxin sữa, 520 mẫu chất lượng sữa, 720 mẫu progesteron...
- Xây dựng 10 mô hình chăn nuôi bò sữa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.
- Hỗ trợ điều trị cho 20 ca/năm đối với bệnh chậm sinh trên bò sữa.
- Hàng năm tổ chức 30 lớp tập huấn về phòng, chống dịch bệnh trên bò sữa.
- Mua sắm trang thiết bị, sổ theo dõi, tài liệu tập huấn và cập nhật số liệu bò sữa.

- Bồi dưỡng Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc

3.2. Kinh phí thực hiện: 12,193 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách cấp: **9,286 tỷ đồng**.
- Nguồn từ các hộ chăn nuôi và doanh nghiệp: **2,907 tỷ đồng**.

Bao gồm các nội dung:

- Chi phí tiêm phòng: 2,775 tỷ đồng.
- Lấy mẫu xét nghiệm: 2,503 tỷ đồng.
- Xây dựng mô hình điêm: 0,704 tỷ đồng.
- Hỗ trợ điều trị bò chậm sinh: 0,194 tỷ đồng.
- Chi phí tập huấn, đào tạo: 1,650 tỷ đồng.
- Mua sắm thiết bị: 2,174 tỷ đồng.
- Bồi dưỡng Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc: 0,432 tỷ đồng.

4. ĐỀ ÁN “TĂNG CƯỜNG TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CƠ GIỚI HÓA NGÀNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA”

4.1. Nội dung:

- Hỗ trợ 700 máy vắt sữa, 700 máy rửa thiết bị vắt sữa và 3.500 bình nhôm chứa sữa cho các hộ chăn nuôi quy mô trên 20 - 50 con bò sữa (700 hộ).

- Hỗ trợ 700 máy băm thái cỏ cho các hộ chăn nuôi trên 20 - 50 con bò, có đồng cỏ thâm canh (700 hộ).

- Hỗ trợ 120 máy trộn thức ăn TMR 3 pha (250 kg/m³) cho các hộ chăn nuôi trên 50 con bò (120 hộ).

- Đầu tư cơ giới hóa cải thiện tiêu khí hậu chuồng trại cho các hộ chăn nuôi trên 20 con bò (960 hộ).

- Tổ chức xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất thức ăn TMR tại thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện: **62,37 tỷ đồng**, trong đó:

- Nguồn ngân sách cấp: **28,985 tỷ đồng** (hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm trang thiết bị và chi phí quản lý chương trình).

- Nguồn từ vốn vay ưu đãi và vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ chăn nuôi: **33,385 tỷ đồng** (máy móc, thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống nhà kho).

Cụ thể:

*** Hỗ trợ đầu tư thiết bị khai thác và bảo quản sữa:**

- Số lượng thiết bị đầu tư: 700 máy vắt sữa, 700 máy rửa thiết bị vắt sữa và 3.500 bình nhôm chứa sữa cho mỗi hộ chăn nuôi quy mô trên 20 - 50 con bò sữa.

- Thời gian thực hiện: 2011 - 2013

- Kinh phí thực hiện: 19,49 tỷ đồng, trong đó:

+ Từ nguồn ngân sách cấp: 9,795 tỷ đồng (hỗ trợ 50% chi phí thiết bị và chi phí tổ chức thực hiện):

Máy vắt sữa: 6,545 tỷ đồng (700 cái x 18.700.000 đồng/cái x 50%)

Máy rửa máy vắt sữa: 1,4 tỷ đồng (700 cái x 4.000.000 đồng/cái x 50%)

Bình nhôm chứa sữa: 1,75 tỷ đồng (3.500 hộ x 1.000.000 đồng/cái x 50%)

Kinh phí tổ chức thực hiện: 0,1 tỷ đồng.

+ Từ nguồn các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi bò sữa: 9,695 tỷ đồng:

Máy vắt sữa: 6,545 tỷ đồng (700 cái x 18.700.000 đồng/cái x 50%)

Máy rửa máy vắt sữa: 1,4 tỷ đồng (700 cái x 4.000.000 đồng/cái x 50%)

Bình nhôm chứa sữa: 1,75 tỷ đồng (3.500 hộ x 1.000.000 đồng/cái x 50%)

*** Hỗ trợ đầu tư thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi:**

- Số lượng thiết bị đầu tư:

+ 700 máy băm thái cỏ dạng đĩa có trục cuốn (công suất 2 tấn/giờ) cho các hộ chăn nuôi trên 20 - 50 con bò, có đồng cỏ thâm canh.

+ 120 máy trộn thức ăn TMR 3 pha (250kg/mẻ) cho các hộ chăn nuôi trên 50 con bò, có đồng cỏ thâm canh.

- Thời gian thực hiện: 2011 - 2013

- Kinh phí thực hiện: 16,4 tỷ đồng, trong đó:

- Từ nguồn ngân sách cấp: 8,25 tỷ đồng (hỗ trợ 50% chi phí thiết bị và chi phí tổ chức thực hiện):

+ Máy băm thái cỏ có trục cuốn: 5,18 tỷ đồng (700 cái x 14.800.000 đồng/cái x 50%)

+ Máy trộn thức ăn TMR 3 pha: 2,97 tỷ đồng (120 cái x 49.500.000 đồng/cái x 50%).

+ Kinh phí tổ chức thực hiện: 0,1 tỷ đồng.

- Từ nguồn các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi bò sữa: 8,15 tỷ đồng:

+ Máy băm thái cỏ có trục cuộn: 5,18 tỷ đồng (700 cái x 14.800.000 đồng/cái x 50%)

+ Máy trộn thức ăn TMR 3 pha: 2,97 tỷ đồng (120 cái x 49.500.000 đồng/cái x 50%).

*** Hỗ trợ nâng cấp chuồng trại chăn nuôi:**

- Số lượng thiết bị đầu tư: 960 quạt phun sương bán tự động, 960 thiết bị theo dõi nhiệt độ ẩm độ chuồng nuôi cho mỗi hộ chăn nuôi quy mô trên 20 con bò sữa.

- Thời gian thực hiện: 2011 - 2015

- Kinh phí thực hiện: 19,78 tỷ đồng, trong đó:

+ Từ nguồn ngân sách cấp: 9,94 tỷ đồng (hỗ trợ 50% chi phí thiết bị và chi phí tổ chức thực hiện).

Hệ thống quạt phun sương bán tự động: 9,6 tỷ đồng (960 cái x 20.000.0000 đồng/cái x 50%).

Thiết bị theo dõi nhiệt độ, ẩm độ chuồng nuôi: 0,24 tỷ đồng (960 cái x 500.000 đồng/cái x 50%)

Kinh phí tổ chức thực hiện: 0,1 tỷ đồng.

+ Từ nguồn các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi bò sữa: 9,84 tỷ đồng:

Hệ thống quạt phun sương bán tự động: 9,6 tỷ đồng (960 cái x 20.000.0000 đồng/cái x 50%).

Thiết bị theo dõi nhiệt độ, ẩm độ chuồng nuôi: 0,24 tỷ đồng (960 cái x 500.000 đồng/cái x 50%).

*** Xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn TMR:**

- Số lượng thiết bị đầu tư: Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn TMR và hệ thống phân phối thức ăn cho các hộ chăn nuôi bò sữa.

- Thời gian thực hiện: 2011 - 2015

- Kinh phí thực hiện: 6,7 tỷ đồng, trong đó:

+ Từ nguồn ngân sách cấp: 1 tỷ đồng (hỗ trợ 100% chi phí mua máy trộn TMR 17m³/mẻ và phần mềm quản lý, sản xuất thức ăn TMR).

+ Từ nguồn các doanh nghiệp và Hợp tác xã: 5,7 tỷ đồng (xây dựng hệ thống nhà kho, hồ ủ chua...: 3.000 m² x 1,9 triệu/m²)

5. ĐỀ ÁN “CÙNG CỐ VÀ NÂNG CẤP HỆ THỐNG HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC CHĂN NUÔI BÒ SỮA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ”

5.1. Nội dung:

- Thời gian thực hiện: **2011 - 2015**

- Tổ chức 26 lớp tập huấn, tuyên truyền về mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp tại các địa bàn trọng điểm về chăn nuôi bò sữa

- Tổ chức 26 buổi tuyên truyền về chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2011 - 2015 theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND (tại các địa bàn trọng điểm về chăn nuôi bò sữa).

- Tổ chức 16 buổi tư vấn củng cố các tổ hợp tác, hợp tác xã bò sữa đang hoạt động và vận động thành lập mới.

- Thành lập và hỗ trợ điều hành Hội Chăn nuôi bò sữa thành phố.

- Tổ chức 14 chuyến tham quan các mô hình hợp tác xã bò sữa điển hình ở các tỉnh, thành.

5.2. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện: 0,808 tỷ đồng, trong đó:

+ Tập huấn, tuyên truyền về mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác: *0,157 tỷ đồng*.

+ Tuyên truyền về chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp 2011 - 2015: *0,153 tỷ đồng*.

+ Tư vấn củng cố các tổ hợp tác, hợp tác xã bò sữa đang hoạt động và vận động thành lập mới: *0,184 tỷ đồng*.

+ Thành lập và hỗ trợ điều hành Hội Chăn nuôi bò sữa thành phố: *0,029 tỷ đồng*.

+ Tham quan các mô hình HTX bò sữa điển hình: *0,284 tỷ đồng*.

6. CHƯƠNG TRÌNH “XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI BÒ SỮA”

6.1. Nội dung:

- Xây dựng thương hiệu giống bò sữa và mở rộng giao dịch kinh doanh con giống tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức Hội thi bò sữa định kỳ 2 năm/lần, giúp người chăn nuôi có sự cạnh tranh trong việc quản lý, nâng cao chất lượng giống.

- Xây dựng thương hiệu giống bò sữa.

6.2. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: **2,5 tỷ đồng** bao gồm các hoạt động

- Nguồn từ ngân sách cấp: *1,25 tỷ đồng*.

- Nguồn từ các doanh nghiệp: *1,25 tỷ đồng*.

7. ĐỀ ÁN “ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHĂN NUÔI BÒ SỮA THAY THẾ NGOẠI NHẬP”

7.1. Nội dung:

Hỗ trợ kinh phí để các cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất các trang thiết bị thay thế hàng nhập ngoại, các trang thiết bị nghiên cứu hoặc ứng dụng sản xuất như máy trộn thức ăn; các dụng cụ dao gọt móng, cưa sừng, kìm thiến đực; dụng cụ vắt sữa, bao bì chứa đựng sữa; thiết bị chuồng trại chăn nuôi...

7.2. Kinh phí thực hiện: 01 tỷ đồng (từ nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ).

8. ĐỀ ÁN “ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC”

8.1. Nội dung:

- Đào tạo ngắn hạn và khuyến nông nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại... để tự xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch sản xuất và quản lý đàn trại nông hộ.

- Đào tạo trong nước và nước ngoài cho các nhà khoa học và cán bộ có trình độ chuyên sâu về giống, dinh dưỡng, thú y, an toàn thực phẩm...

- Tổ chức tham quan học tập các mô hình chăn nuôi bò sữa hiệu quả trong nước, ngoài nước.

8.2. Kinh phí thực hiện: 3 tỷ đồng

9. ĐỀ ÁN “NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẤY TRUYỀN PHÔI BÒ SỮA ĐÃ XÁC ĐỊNH GIỚI TÍNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ”

9.1. Nội dung:

- Gây động dục để thu hoạch trứng bằng phương pháp siêu bài noãn.
- Nghiên cứu tạo phôi đã xác định giới tính *in vitro*.
- Triển khai cấy truyền phôi trên địa bàn thành phố.

9.2. Kinh phí thực hiện: 3 tỷ đồng.

- Nguồn ngân sách cấp: 1,5 tỷ đồng.
- Các doanh nghiệp: 1,5 tỷ đồng (dưới dạng con giống, con nhận phôi, kỹ thuật viên và các quy trình thực hiện cấy chuyên phôi).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng